# LỜI MỞ ĐẦU

**1- Tính cấp thiết của đề tài:**

Trong lịch sử phát triển của loài người, sản xuất chiếm một vai trò cực kì quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người.Và trong nền kinh tế đó tất nhiên cũng không thể hạ thấp vai trò của hoạt động sản xuất.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu dược lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà nhiều doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện được điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động  kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài:

***"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2"***

**2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:**

- Về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lí luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

**3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:**

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

- Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 12/04/2010 đến ngày 20/06/2010.

**4- Phương pháp nghiên cứu:**

Bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối); các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ); các phương pháp thống kê trong việc nghiên cứu mặt lượng của các sự vật hiện tượng số lớn để tìm ra bản chất và tính quy luật của chúng (mặt chất) như phương pháp điều tra chọn mẫu; phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa những thành tựu đã đạt được.

**5- Kết cấu của khoá luận:**

Ngoài lời mở đầu và kết luận, kết cấu của khoá luận gồm 3 chương nội dung:

- **Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.**

- **Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2**

- **Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2**

# CHƯƠNG I

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

## 1.1- Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh nghiệp, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

**** Bán hàng:*** là quá trình chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá từ người bán sang người mua, đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số hàng đã chuyển giao quyền sở hữu.

**** Doanh thu.***

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

**** Doanh thu thuần.***

Doanh thu thuần là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

**** Thời điểm ghi nhận doanh thu.***

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ…mà người bán đã chuyển giao.

**** Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.***

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâmg cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lí, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp..

* ***Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:***

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý….

Với việc xác định kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp…Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

**1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu.**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14:

* <u>Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau</u>:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

* Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

* Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Doanh thu phát sinh từ tiền lãi,tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

**1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu.**

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

- Chỉ ghi nhận doanh thu trong kỳ kế toán khi thoả mãn đồng thời các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức và lợi nhuận được chia đã quy định theo chuẩn mực kế toán số 14 và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịchvụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

**1.4- Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Để kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng đượcc yêu cầu quản lý kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu nhuận, xử lý,hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có và biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

**1.5- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng**

**1.5.1- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

**** Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp:***

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng :

Trường hợp giao hàng cho khách hàng trực tiếp tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm nào đó đã

quy định trước trong hợp đồng: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

- Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng:

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Phương thức bán hàng trả chậm,trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phuơng thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

**** Chứng từ và tài khoản sử dụng:***

- Chứng từ sử dụng:

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

+ Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

+ Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

+ Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).

+ Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).

+ Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng…).

+ Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ…

- Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dung TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

+ **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán nếu có. Số tiền bán hàng được ghi trên Hoá đơn (GTGT), Hoá đơn bán hàng hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thoả thuận giữa người mua và người bán.

+ **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng tổng công ty, tập đoàn.

▪

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511,512

| Nợ | TK 511, 512 | Có |
|---|---|---|
| -Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp<br>Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán.<br>-Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 | | -Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán |
| ∑Số phát sinh Nợ | | ∑Số phát sinh Có |

*TK 511,512 không có số dư cuối kỳ*

**** Phương pháp hạch toán:***

**<u>Sơ đồ 1.1</u>: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

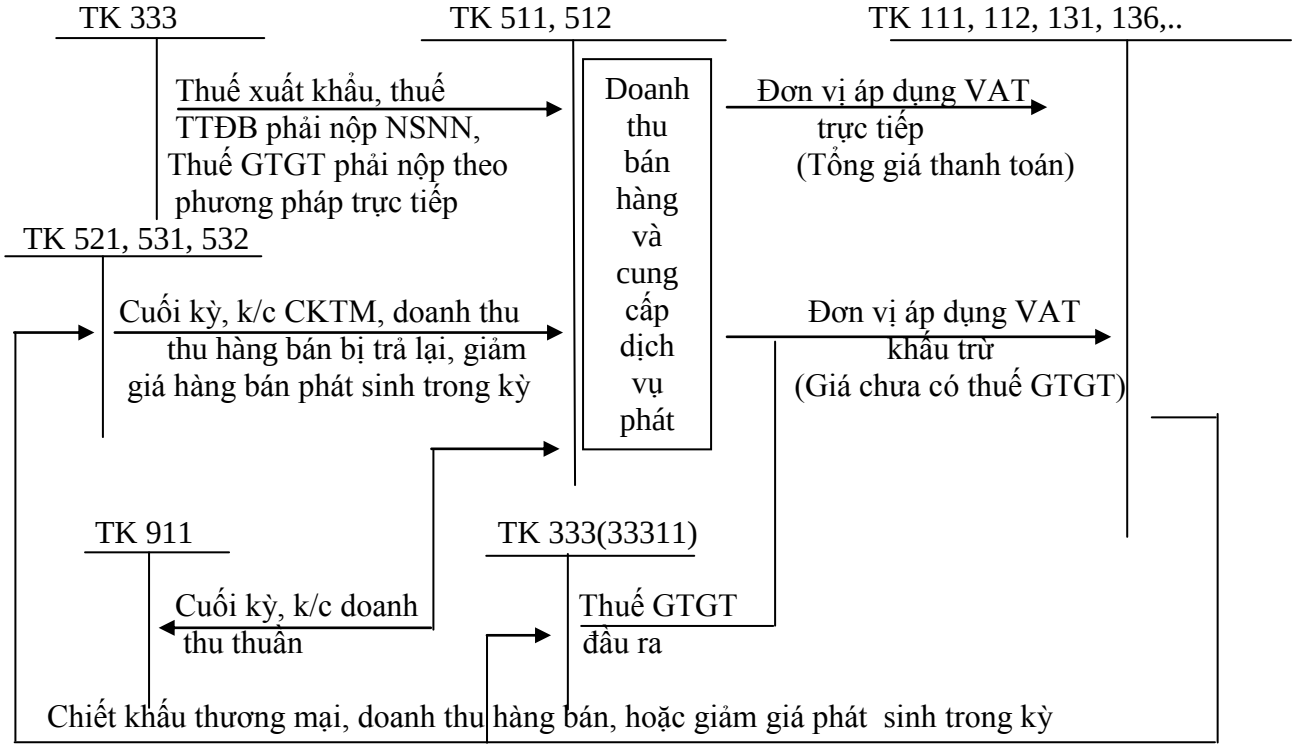

**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý (theo phương pháp kê khai thường xuyên)**

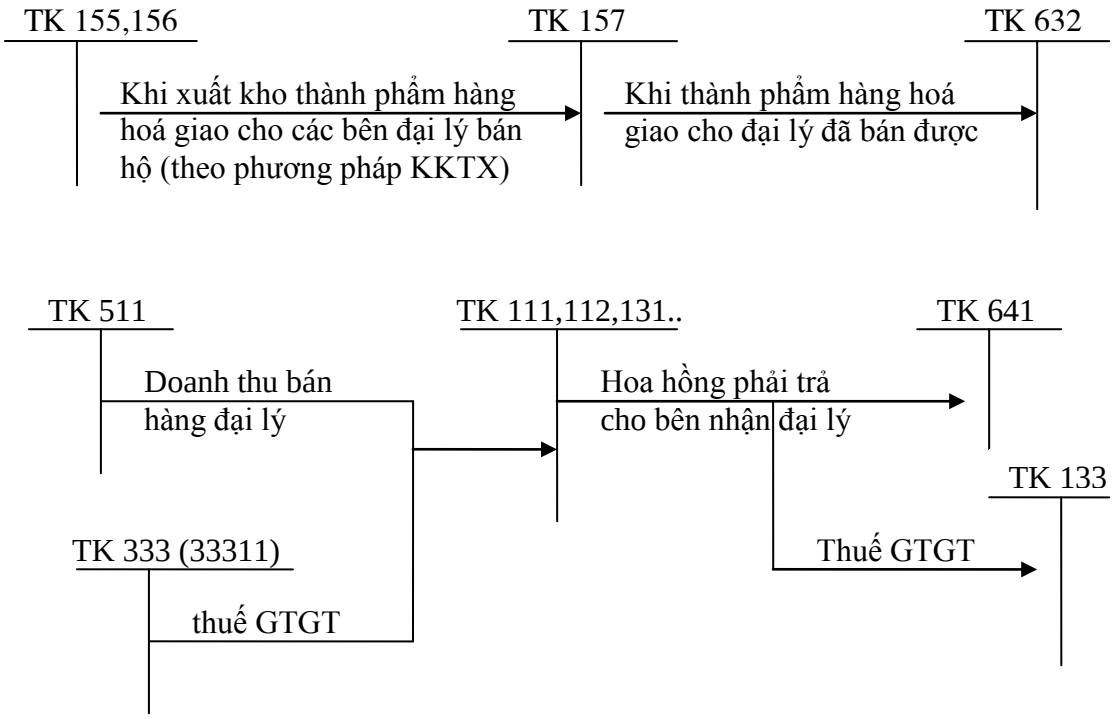


**Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)**

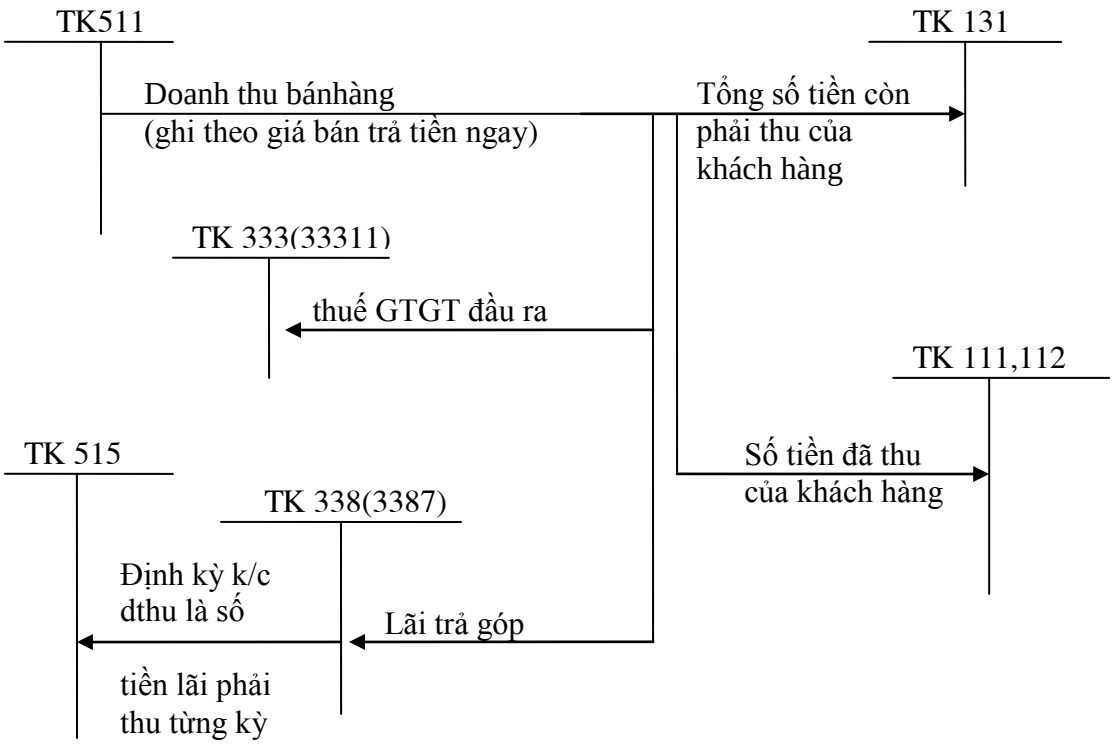

### 1.5.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Trong quá trình kinh doanh,doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh theo dõi trực tiếp, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp để lập trên báo cáo tài chính.

#### 1.5.2.1- Chiết khấu thương mại.

❖ Khái niệm:

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

❖ Tài khoản sử dụng:

-Kế toán sử dụng TK 521 - Chiết khấu thương mại.

-Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

**Nợ** **TK 521** **Có**

| | |
|---|---|
| - Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng. | - Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 và TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán. |
| ∑Số phát sinh Nợ | ∑Số phát sinh Có |

*TK 521 không có số dư cuối kỳ*

#### 1.5.2.2- Hàng bán bị trả lại.

❖ Khái niệm:

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

❖ Tài khoản sử dung:

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

| Nợ | TK 531 | Có |
|---|---|---|
| - Trị giá hàng bán bị trả lại. | - Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512. | |
| ∑Số phát sinh Nợ | ∑Số phát sinh Có | |

*TK 531 không có số dư cuối kỳ*

**1.5.2.3 - Giảm giá hàng bán.**

❖ Khái niệm:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách …đã ghi trong hợp đồng.

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 532 - Giảm giá hàng bán.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

| Nợ | TK 532 | Có |
|---|---|---|
| - Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng. | - Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang bên Nợ TK 511 hoặc TK 512. | |
| ∑Số phát sinh Nợ | ∑Số phát sinh Có | |

*TK 532 không có số dư cuối kỳ.*

**1.5.2.4- Phương pháp hạch toán.**

**<u>Sơ đồ 1.4</u>: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

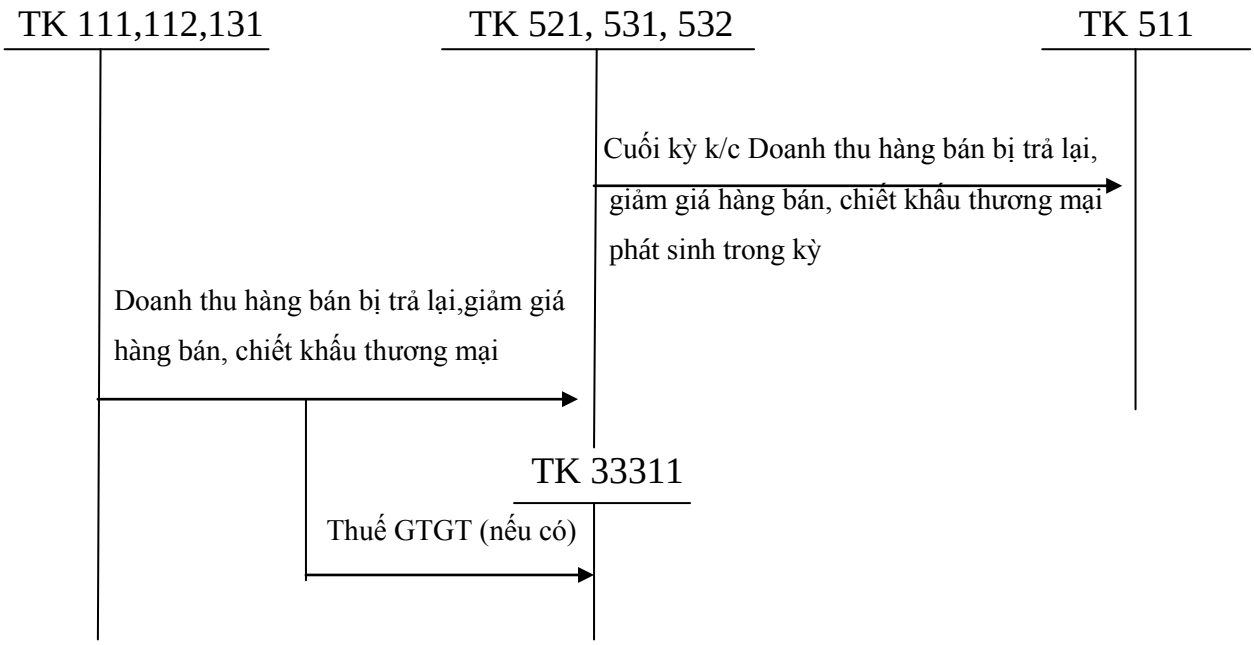


**1.5.2.5- Các khoản thuế làm giảm doanh thu.**

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

***Số thuế GTGT phải nộp = GTGT của hàng hoá, dịch vụ x Thuế suất thuế GTGT (%)***

***GTGT= Giá thanh toán của hàng hoá dịch vụ bán ra – Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng***

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

***Thuế TTĐB phải nộp = Gía tính thuế TTĐB x Thuế suất.***

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

**Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu**

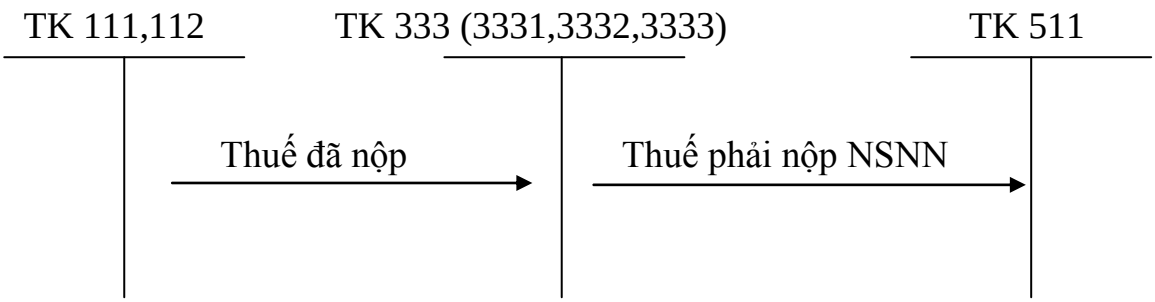


### 1.5.3- Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.5.3.1- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

Hàng hoá khi xuất kho hay gửi bán đều phải xác định giá vốn thực tế để phục vụ cho việc hạch toán kịp thời và các mục tiêu khác của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán luôn chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

- Phương pháp bình quân gia quyền.

**Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân**

$$\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ + Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

- Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn

giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

- Phương pháp thực tế đích danh.

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho

**1.5.3.2- Chứng từ và tài khoản sử dụng.**

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
- bảng tính và phân bổ: NVL – công cụ, dụng cụ.

Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

❖ Tài khoản sử dụng:

Gía vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

**** Theo phương pháp kê khai thường xuyên:***

| **Nợ** | **TK 632** | **Có** |
|---|---|---|
| - Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.<br>- Phản ánh CPNVL,chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán<br>- Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.<br>- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.<br>- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. | | - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.<br>- Gía vốn của hàng bán bị trả lại.<br>- K/c giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh<br>. |
| ∑Số phát sinh Nợ | | ∑Số phát sinh Có |

*TK 632 không có số dư cuối kỳ*

❖ Phương pháp hạch toán.

**Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên**

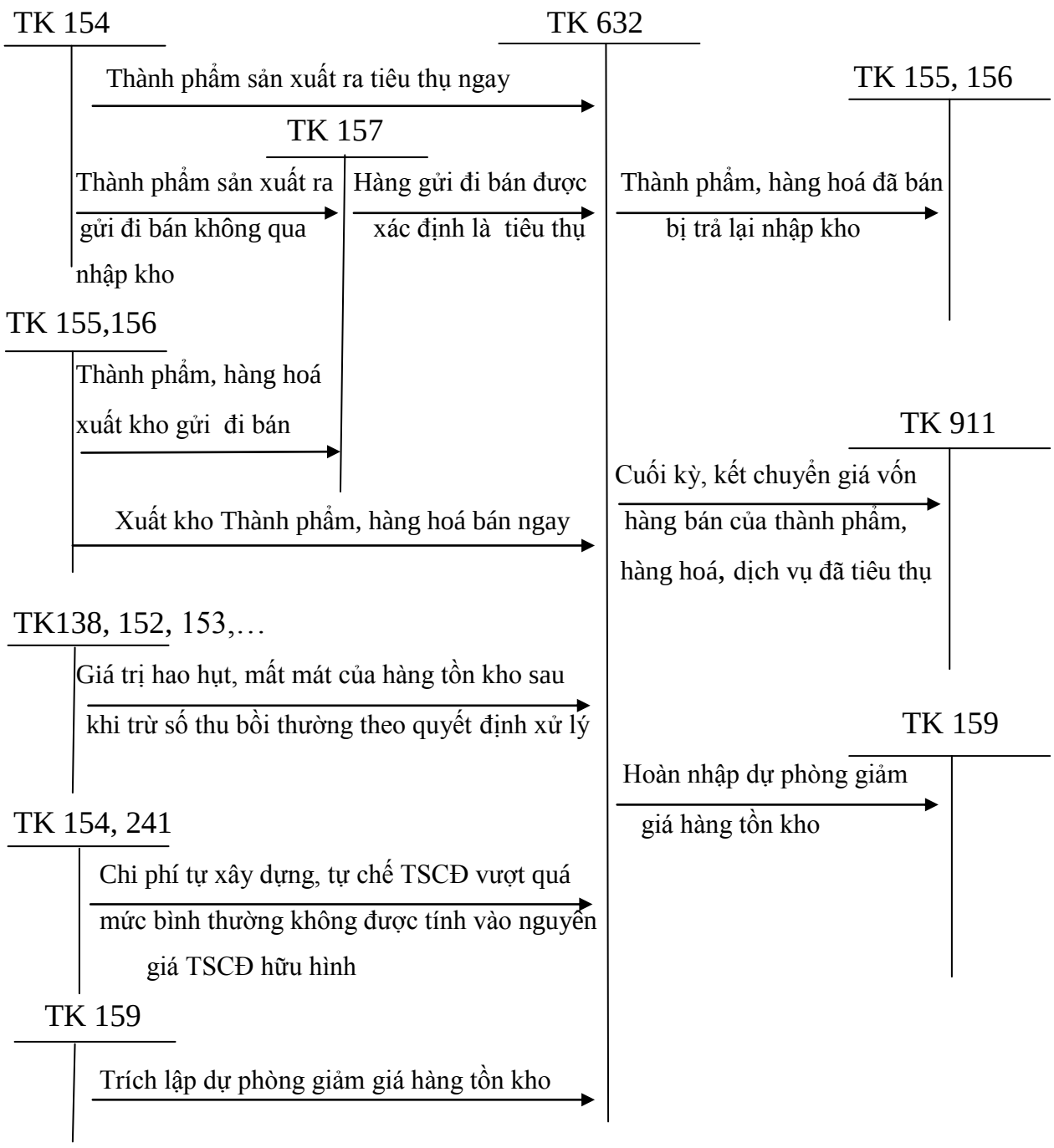

**** Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:***

| Nợ | TK 632 | Có |
|---|---|---|
| -Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ<br>cuối kỳ vào bên nợ TK 155.<br>-Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định<br>tiêu thụ đầu kỳ.<br>-Tổng giá thành thực tế thành phẩm, lao<br>vụ, dịch vụ đã hoàn thành.<br>KQKD | | - K/c trị giá vốn thành phẩm tồn kho .<br>- K/c trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác<br>định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK157<br>- K/c giá vốn hàng hoá ,thành phẩm, dịch<br>vụ đã xuất bán sang TK 911- Xác định |
| ∑Số phát sinh Nợ | | ∑Số phát sinh Có |

*TK 632 không có số dư cuối kỳ*

❖ <u>Phương pháp hạch toán</u>.

**Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

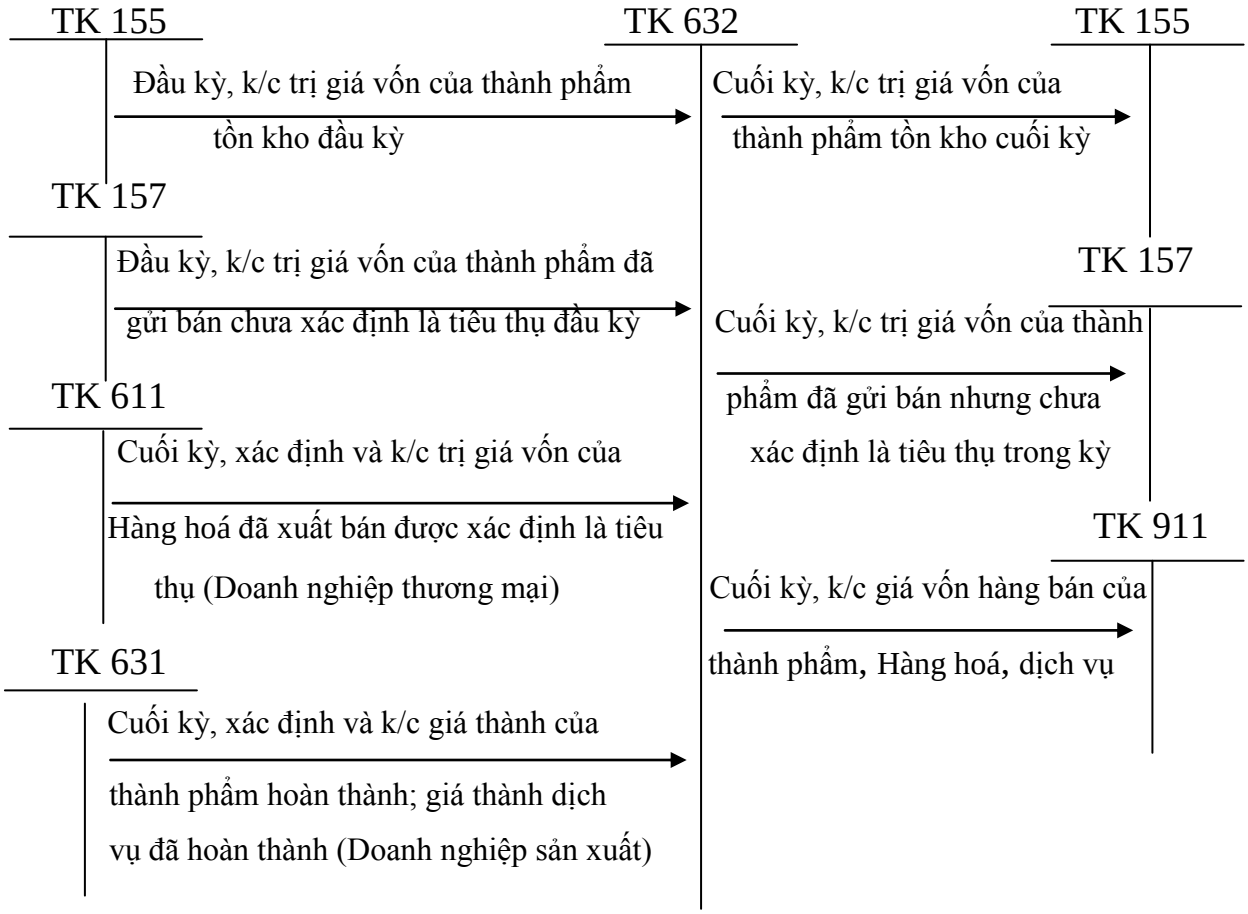

### 1.5.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.5.4.1- Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sảm phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,…

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

**Nợ** **TK 641** **Có**

| | |
|---|---|
| - Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ. | - Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có).<br>- K/c chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 |
| ∑Số phát sinh Nợ | ∑Số phát sinh Có |

*TK 641 không có số dư cuối kỳ*

#### 1.5.4.2- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN).

❖ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CC-DC,bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí

chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

**Nợ** **TK 642** **Có**

| | |
|---|---|
| - Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. | - Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.<br>- K/c chi phí QLDN sang bên Nợ TK 911 |
| ∑Số phát sinh Nợ | ∑Số phát sinh Có |

*TK 642 không có số dư cuối kỳ*

**1.5.4.3- Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.**

**Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN**

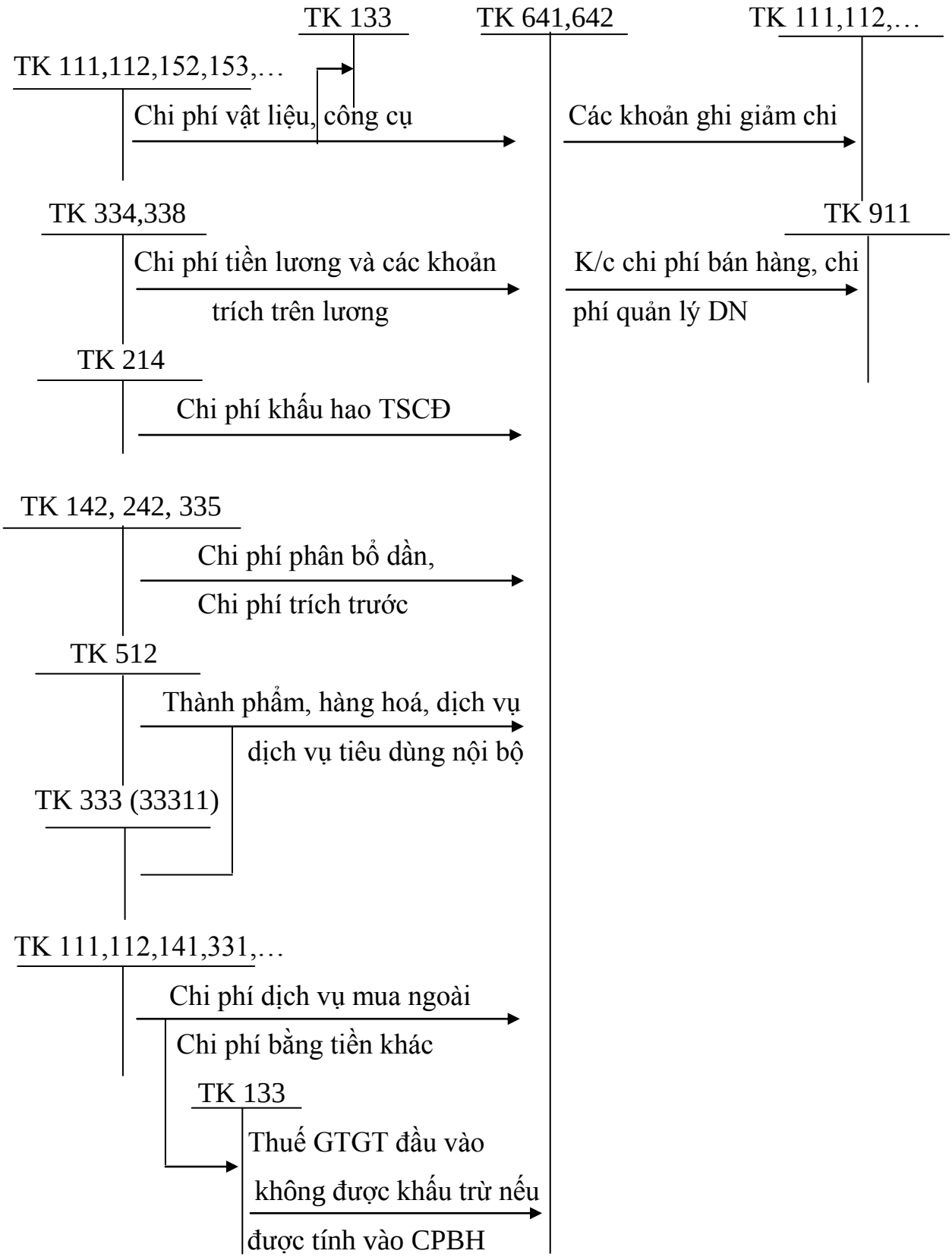

### 1.5.5- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ TK kế toán sử dụng:

**Nợ** **TK 821** **Có**

| | |
|---|---|
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm<br>- Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung.<br>- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại .<br>- K/c chênh lệch giữa số phát sinh bên Có > hơn bên Nợ TK 8212 phát sinh trong năm vào bên Có TK 911 . | - Số thuế TNDN phải nộp trong năm<br>- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện các sai sót của. các năm trước.<br>-Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn . lại<br>K/c số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ > bên Có TK 8212 phát sinh trong năm vào bên Nợ TK 911. |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | ∑Số phát sinh bên Có |

*TK 821 không có số dư cuối kỳ*

❖ Phương pháp hạch toán:

**Sơ đồ 1.9.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

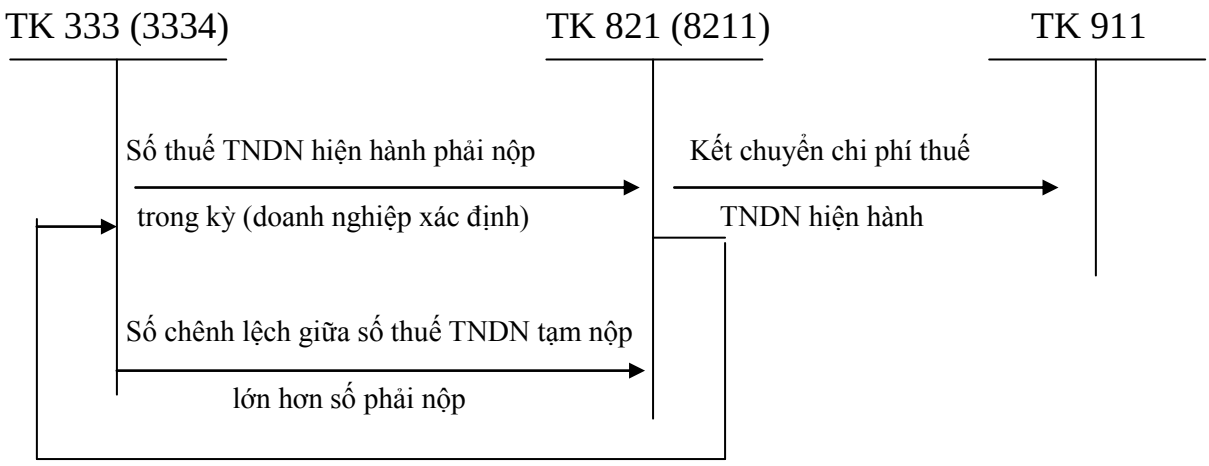


**Sơ đồ 1.9.2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

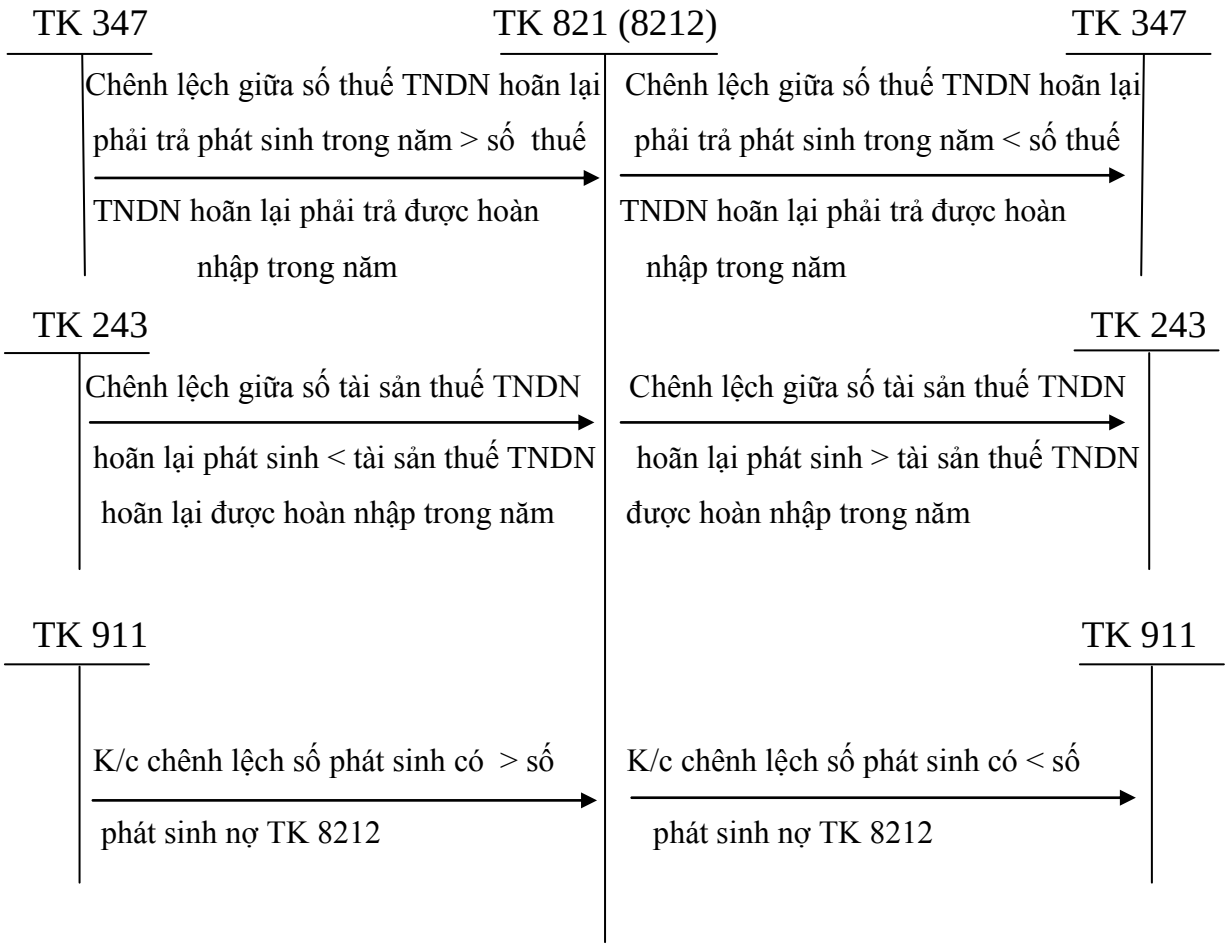

### 1.5.6- Kế toán kết quả hoạt động bán hàng.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng:

Kết quả hoạt động bán hàng là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kế toán sử dụng TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

**Nợ** **TK 911** **Có**

| | |
|---|---|
| - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, lao vụ dịch vụ đã tiêu thụ.<br>- Chi phí bán hàng và chi phí QLDN<br>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.<br>- K/c lãi sau thuế. | - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.<br>- Doanh thu hoạt động tài chính.<br>- Thu nhập khác.<br>- K/c lỗ |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | ∑Số phát sinh bên Có |

*TK 911 không có số dư cuối kỳ*

❖ Phương pháp hạch toán:

**Sơ đồ 1.10: Hạch toán kết quả hoạt động bán hàng**

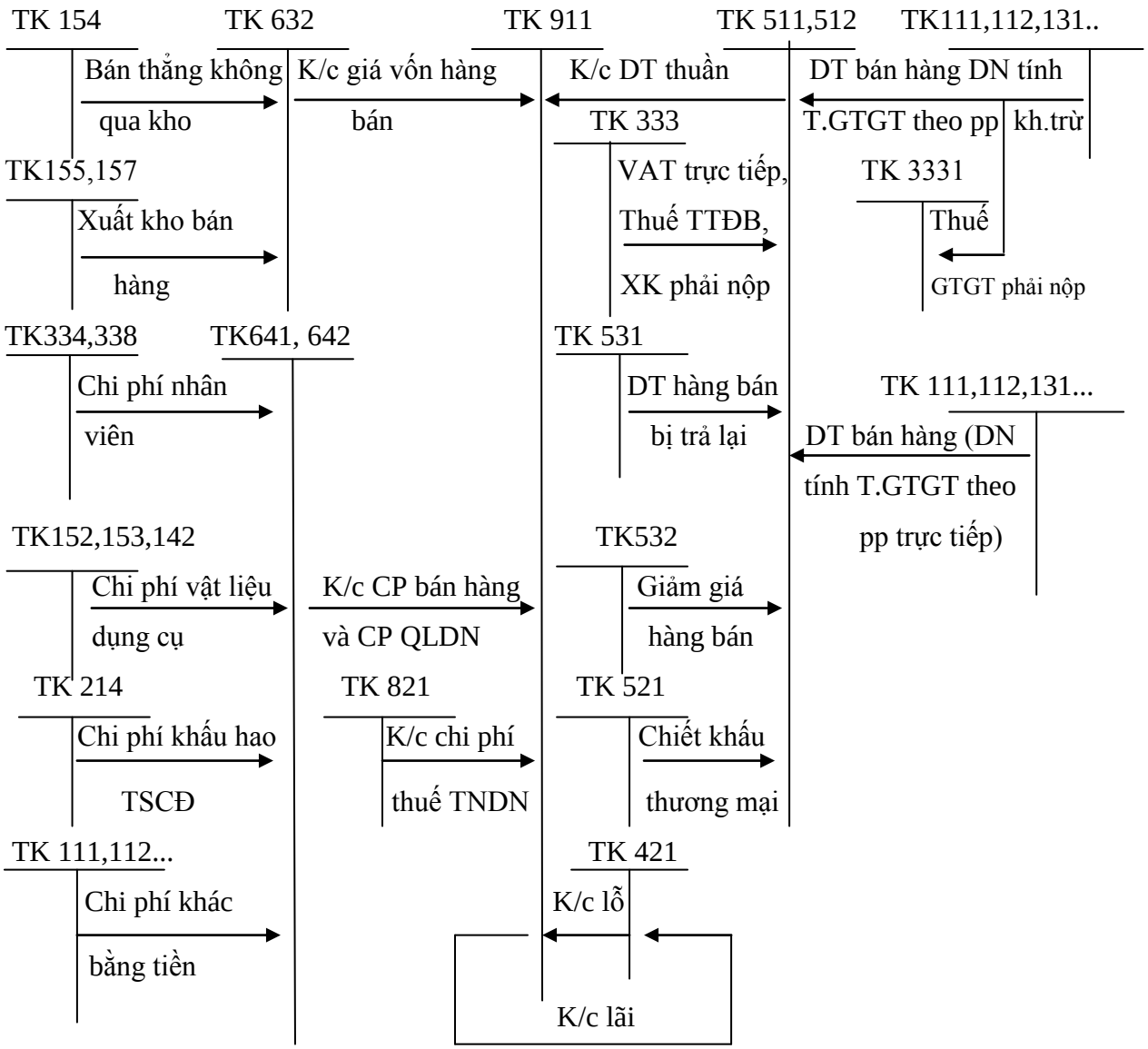


## 1.6- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.

### 1.6.1- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ

tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; …

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.
- Kết cấu TK 515:

| Nợ | TK 515 | Có |
|---|---|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)<br>- K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911. | - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. | |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | ∑Số phát sinh bên Có | |

*TK 515 không có số dư cuối kỳ*

**1.6.2- Kế toán chi phí hoạt động tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh…; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,…

❖ Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính. Kết cấu và nội dung TK 635:

| Nợ | TK 635 | Có |
|---|---|---|
| - Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ thuộc hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sơ hạ tầng được xác định là tiêu thụ. | - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.<br>- Cuối kỳ, K/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh | |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | ∑Số phát sinh bên Có | |

*TK 635 không có số dư cuối kỳ*

### 1.6.3- Phương pháp hạch toán

**Sơ đồ 1.11: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi hoạt động tài chính**

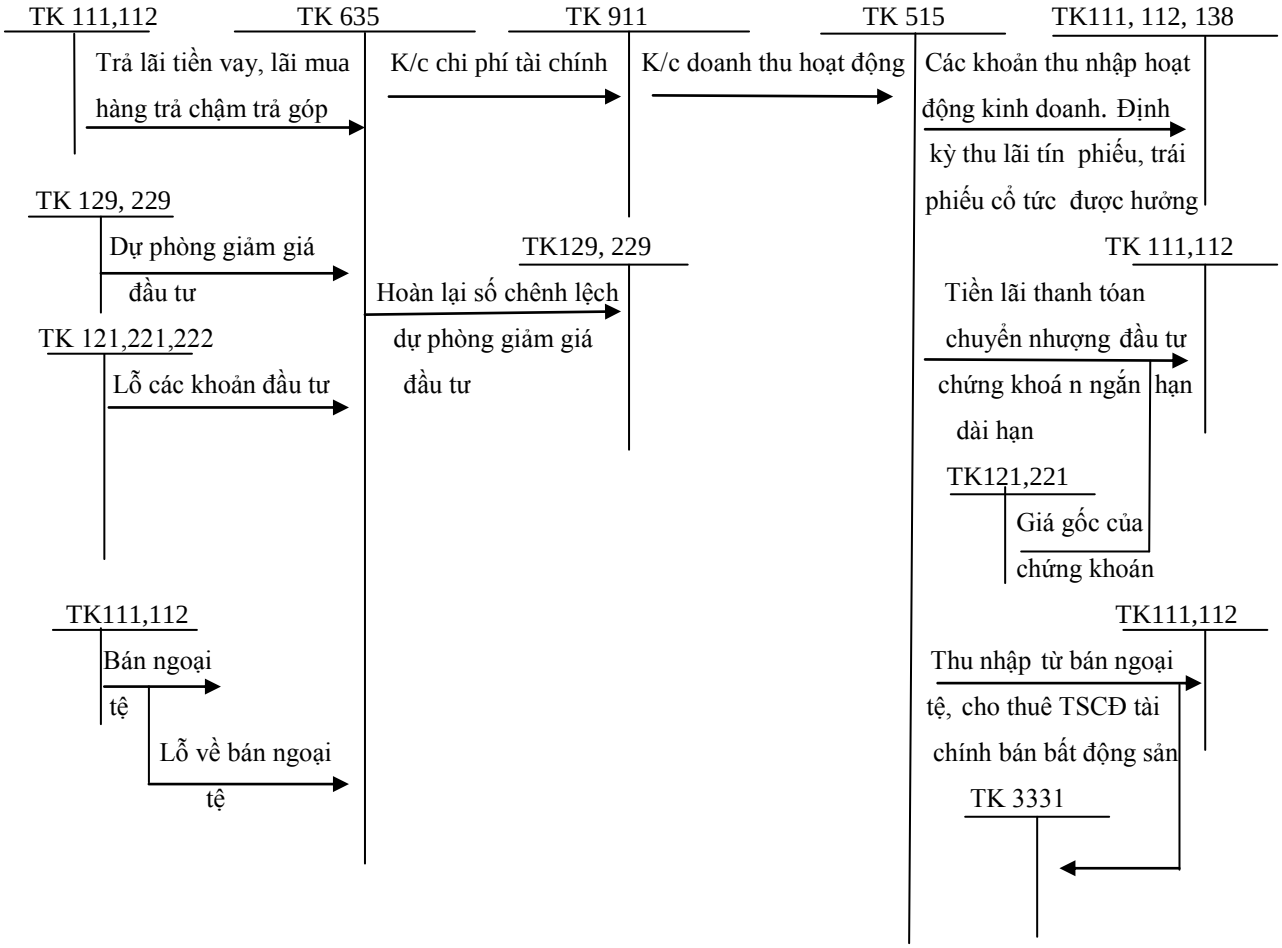


### 1.7- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác

#### 1.7.1- Kế toán thu nhập khác.

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ…

Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác. Kết cấu TK 711 như sau:

| Nợ | TK 711 | Có |
|---|---|---|
| - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở Doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp).<br>- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập Khác trong kỳ sang TK 911. | | - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | | ∑Số phát sinh bên Có |

*TK 711 không có số dư cuối kỳ.*

**1.7.2- Kế toán chi phí khác.**

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của Doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của Doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế…

❖ Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác. Kết cấu TK 811 như sau:

| Nợ | TK 811 | Có |
|---|---|---|
| - Các khoản chi phí khác phát sinh | | - Cuối kỳ, k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911. |
| ∑Số phát sinh bên Nợ | | ∑Số phát sinh bên Có |

*TK 811 không có số dư cuối kỳ*

## 1.7.3- Phương pháp hạch toán

## Sơ đồ 1.12: Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác

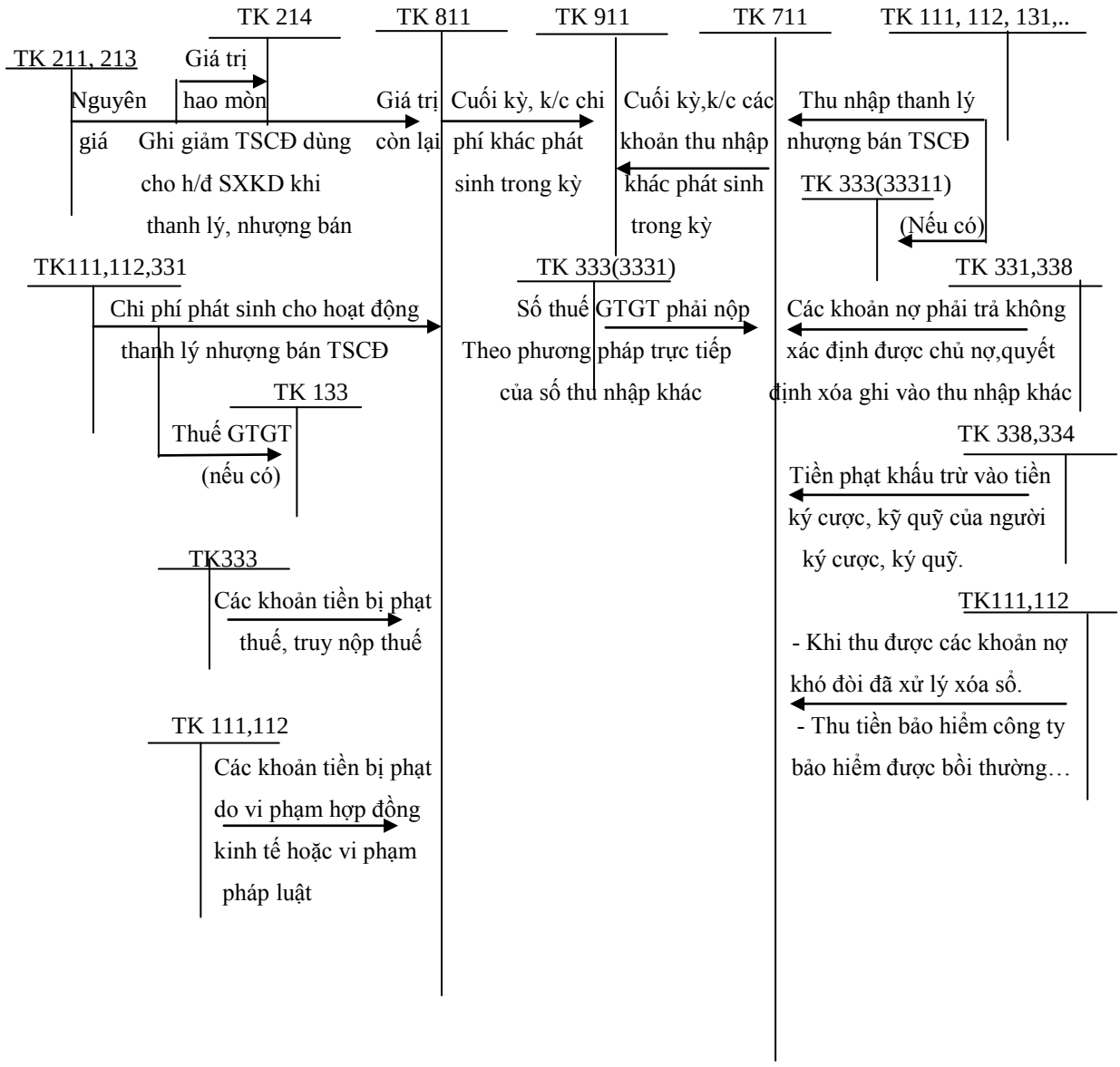

**1.8- Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn Doanh nghiệp**

**Sơ đồ 1.13: Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn Doanh nghiệp**

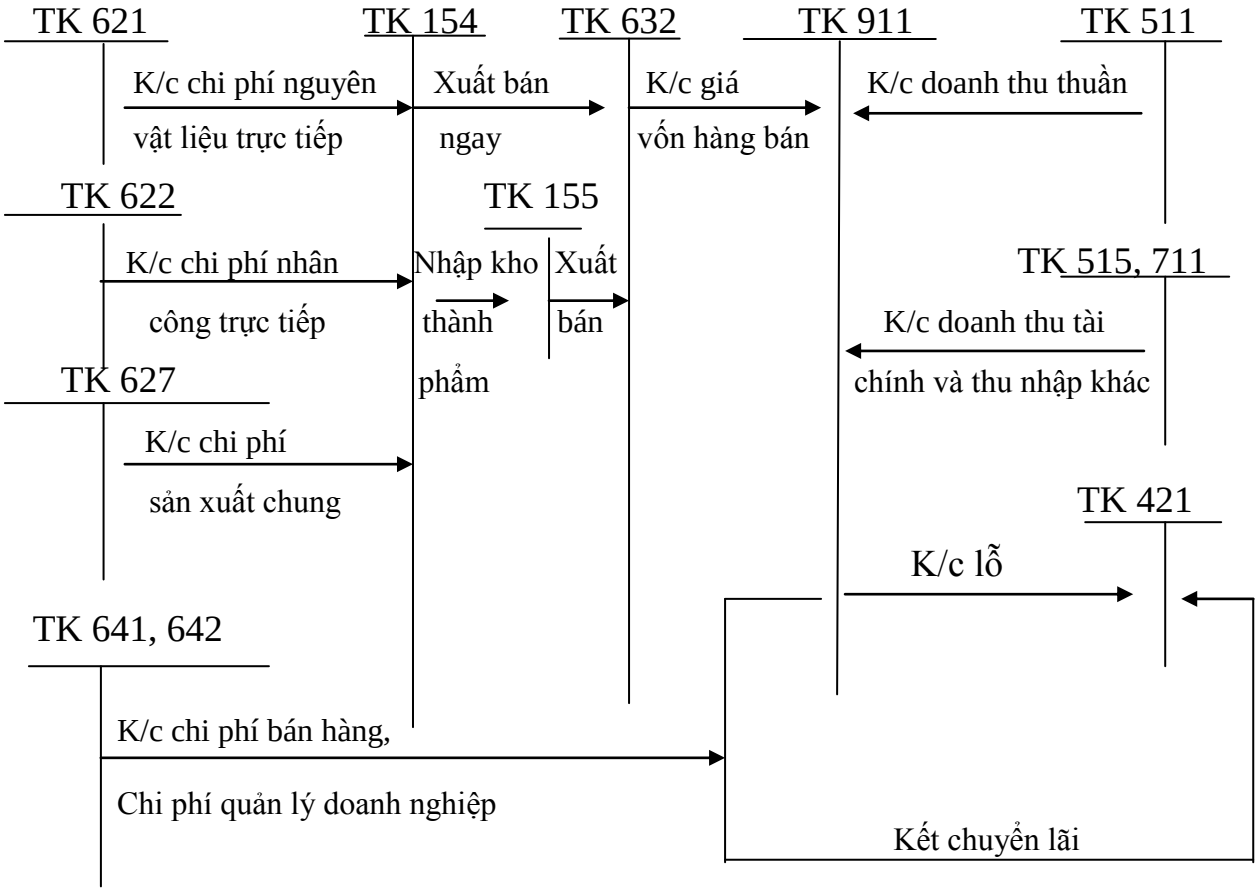


**1.9- Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.**

Việc sử dụng sổ chi tiết và sổ tổng hợp tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu khách quan, nhanh chóng, giúp phân tích các hoạt động kinh tế, từ đó có sự điều chỉnh hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kĩ thuật tính toán, lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một

trong 5 hình thức kế toán như sau:

*** *Ghi chú*:** ⟶ : Ghi hàng ngày (định kỳ).

⟹ : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).

⇠ - - ⇢ : Đối chiếu, kiểm tra.

### 1.9.1- Hình thức Nhật ký - sổ cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký - sổ cái: các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

***Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái***

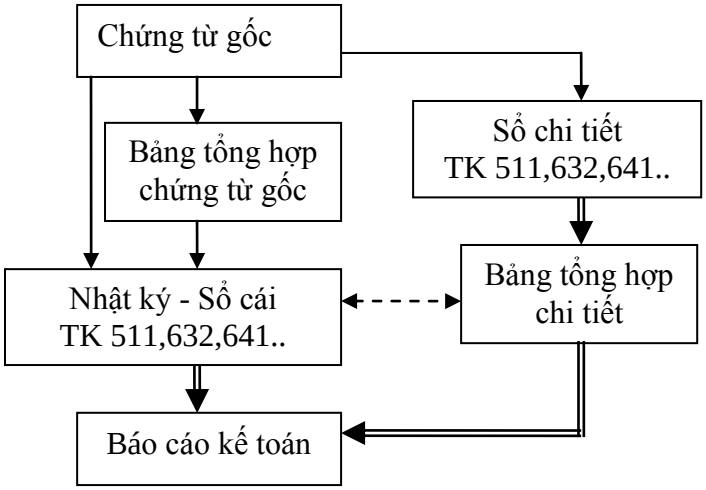


### 1.9.2- Hình thức Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh

***Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung***

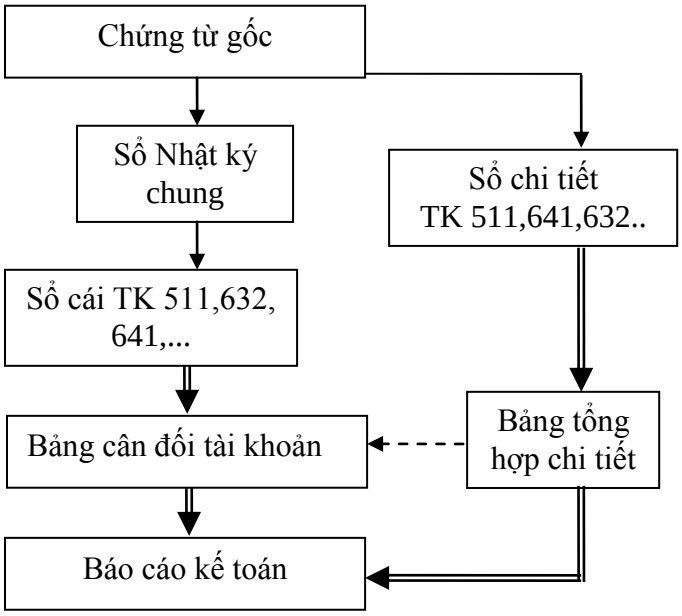


**1.9.3- Hình thức Nhật ký chứng từ.**

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn có quan hệ đối ứng tài khoản,chỉ tiêu quản lý kinh tế,tài chính và lập báo cáo tài chính

***Sơ đồ 1.16: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.***

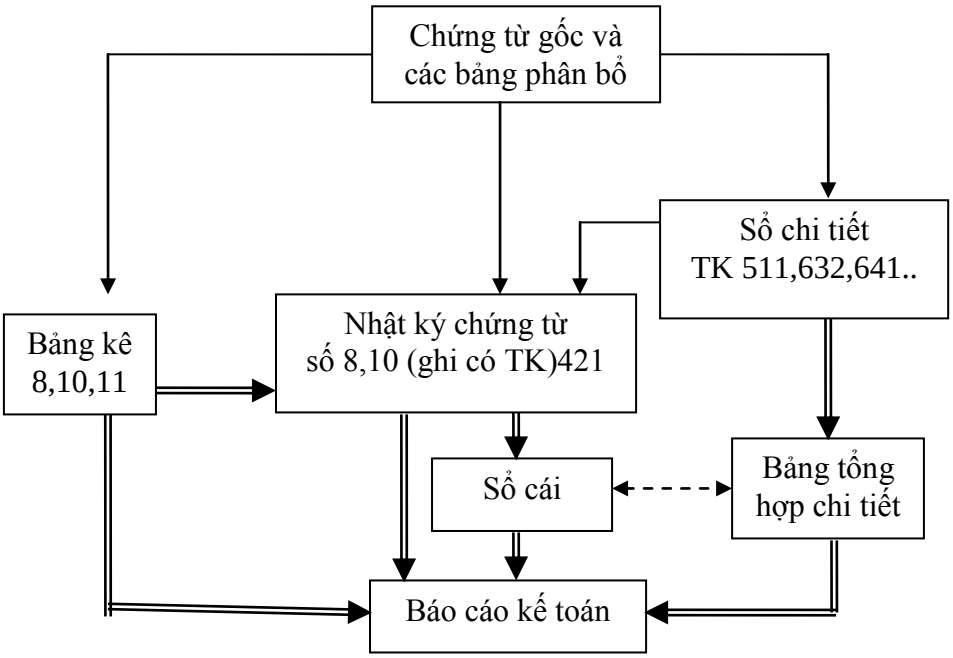


### 1.9.4- Hình thức Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "Chứng từ ghi sổ". Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số theo từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

***Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.***

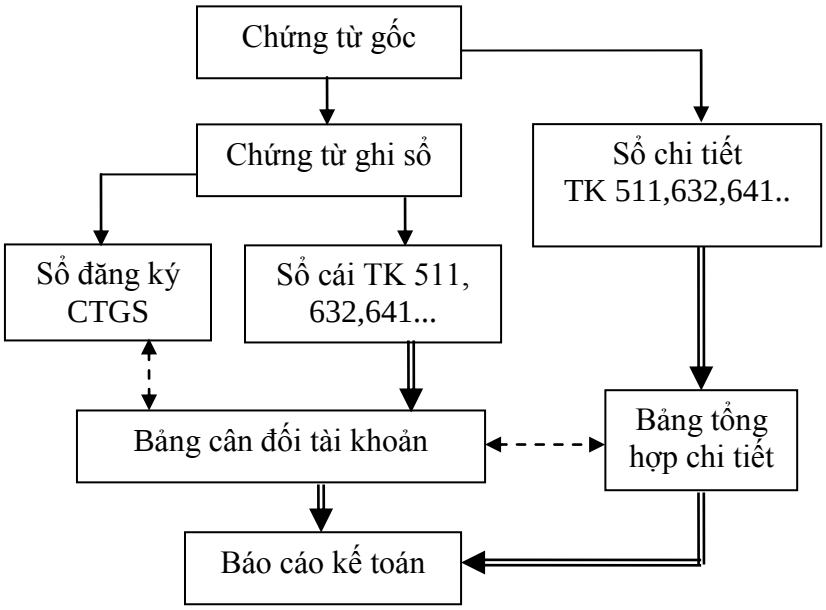


### 1.9.5- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo các tài chính theo quy định.

***Sơ đồ 1.18: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính***

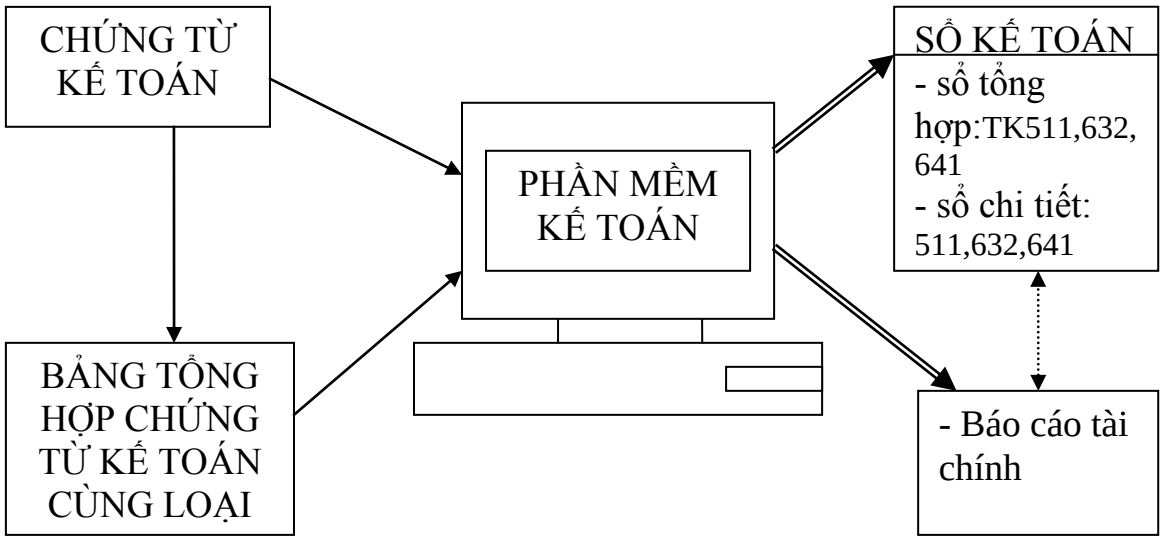

# CHƯƠNG 2

# THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T- VÀ PHÁT TRIỂN KIM KHÍ HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH SỐ 2

## 2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng

Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng đ- ợc thành lập theo quyết định số 71/2000/BCN này 18/12/2000 của Bộ Tài Chính

Ngay từ khi thành lập công ty đã chủ tr- ơng tập trung vào kinh doanh mặt hàng kim khí, đây là những mặt hàng hứa hẹn đầy tiềm năng do cơ sở hạ tầng của n- ớc ta mới b- ớc vào thời kỳ đầu xây dựng, nhu cầu vê vật liệu cung cấp cho xây dựng là rất lớn.

-Tên Công ty : Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng

-Tên giao dịch : INVESTMENT AND DEVELOPMENT METAL STOCK COMPANY

-Tên viết tắt : IDEMESCO

-Trụ sở của công ty : số 19 Trần Khánh D- - Máy Tơ - Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra công ty còn có 3 chi nhánh đặt tại Hải Phòng.

-Điện thoại : 031 .3836662

-Fax : 031.3836662

Tr- ớc khi thành lập công ty chỉ là một đơn vi hạch toán phụ thuộc Công ty kim khí Hải Phòng. Sau khi tiến hành cổ phần hoá đơn vị đã bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc vốn nhà n- ớc, kết hợp với phát hành thêm cổ phiếu để chuyển thành Công ty cổ phần đ- ợc tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp do Quốc hội n- ớc Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp V thông qua ngày 12/6/1999.

Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng là một doanh nghiệp có t- cách pháp nhân, có quyền và nghĩa vụ dân sự theo luật định. Hạch toán kế toán độc lập, có tài khoản bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ tại ngân hàng Kỹ Thương và ngân hàng Công Thương, đ- ợc sử dụng con dấu riêng theo quy định của nhà n- ớc và hoạt động theo điều lệ công ty.

- Tại chi nhánh số 2

**- Lịch sử hình thành, phát triển của chi nhánh**

+ Chi nhánh đ- ợc thành lập vào ngày 25 tháng 5 năm 2003

-Tên Công ty : Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng - Chi nhánh số 2

Đ ịa chỉ: số 56 Nguyễn Trãi – Máy Tơ - Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

-Điện thoại : 031 .3526452

**Thuận lợi:**

- Tinh thần đoàn kết của lãnh đạo Công ty và cán bộ công nhân trong Công ty cao, hài hoà, cán bộ công nhân viên hăng say làm việc, coi việc của cơ quan như việc của nhà.
- Có nhiều khách hàng truyền thống.
- Trụ sở chính của Công ty đón ở nơi khá thuận lợi cho việc giao dịch và kinh doanh , trao đổi thông tin về kinh tế thị tr- ờng, điều đó giúp Công ty chủ động lựa chọn ph- ong án kinh doanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị tr- ờng trong mọi tình huống.
- Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, nên vừa có khả năng mở rộng đầu ra, vừa đ- ợc h- ởng những tiện ích

của cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, cảng biển. Thuận lợi này sẽ tạo ra những lợi thế t- ơng đối cho Công ty trong quá trình phát triển .

- Là Công ty cổ phần đ- ợc hình thành từ doanh nghiệp Nhà n- ớc trung - ơng, nên Công ty có đ- ợc lợi thế so sánh với các Công ty khác trên địa bàn là vị thế kinh doanh, là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn có tay nghề cao trong quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh…Việc thành lập và đưa vào hoạt động một doanh nghiệp Nhà n- ớc có quy mô vừa và nhỏ đ- ợc chuyển thành cổ phần là phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Lợi thế này giúp Công ty chủ động phát huy nội lực, tăng c- ờng sức cạnh tranh trên thị tr- ờng làm ăn có hiệu quả cao, đúng pháp luật góp phần xứng đáng vào Công cuộc Công nghiệp hoá hiện đại hoá Đất n- ớc .

**Khó khăn:**

- Là một Doanh nghiệp đang đ- ợc h- ởng những - u đãi của Nhà n- ớc nay phải tách ra tồn tại độc lập theo cơ chế thị tr- ờng, làm cho không ít cán bộ công nhân phải ngỡ ngàng, lúng túng với cách làm ăn mới.

- Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động đúng trong thời kỳ Đảng và Nhà n- ớc ta chủ tr- ơng đẩy mạnh sức cạnh tranh của nền kinh tế, nên Công ty phải đ- ơng đầu nhiều hơn với những rủi ro trong sản xuất kinh doanh, nhất là những tác động từ các đối tác n- ớc ngoài .

- Uy tín của Công ty trong kinh doanh những ngành hàng trên ch- a cao, thậm chí có một số ngành hàng bị mất uy tín trong thời kỳ tr- ớc, vì thế mà công ty sẽ phải khó khăn hơn nhiều trong việc tạo lập uy tín của mình trên thị tr- ờng.

### 2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhá nh số 2

+ Kinh doanh các sản phẩm kim khí

+ Dịch vụ vận chuyển bốc xếp hàng hoá.

+ Kinh doanh xây dựng, cho thuê văn phòng kho bãi và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

### 2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhá nh số 2

Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khi Hải Phòng - Chi nhánh số 2 hoạt động chính trong lĩnh vực thương mại mua bán hàng hoá, do vậy doanh thu bán hàng chính là nguồn thu nhập chính đem lại lợi nhuận cho công ty. Đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ hàng hoá cũng như hoàn thiện hạch toán tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu tọu hàng hoá là điều hết sức cần thiết.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi từ ngân hàng, được tính khi đến kỳ tính lãi tiền gửi và được phản ánh qua chứng từ là bảng sao kê tài khoản chi tiết của ngân hàng.

Chi phí bán hàng của công ty gồm các chi phí như: chi phí vận chuyển bán hàng, chi phí quảng cáo, phí dịch vụ ngân hàng, phí công tác trong nước.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty bao gồm các chi phí như: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của công ty được xác định vào cuối mỗi tháng. Đó chính là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và khoản chi phí khác.

### 2.1.4. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhá nh số 2

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12. - Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty được hạch toán theo tháng.

### 2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công ty và phù hợp với cơ chế kinh doanh hiện nay. Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2 tổ chức bộ máy theo mô hình trực tuyến chức năng gồm có: Giám đốc, phó giám đốc, các phòng ban, chức năng hoạt động một cách linh hoạt trong nền

kinh tế thị tr- ờng:

**Sơ đồ 2.1:** Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

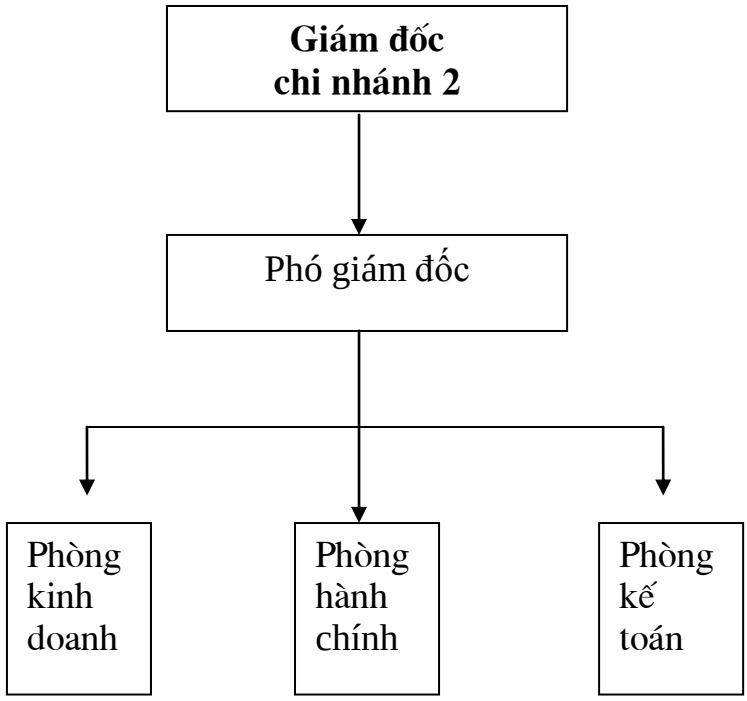


* Giám đốc: Là ng- ời chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật về mọi hoạt động của doanh nghiệp và điều hành bộ máy chung của doanh nghiệp. Có trách nhiệm quản trị, quản lý toàn bộ tài sản của Công ty và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty....

* Phó giám đốc: Giúp việc cho giám đốc khi đ- ợc giám đốc giao, ký kết các hợp đồng kinh tế khi đ- ợc giám đốc uỷ quyền, giải quyết các công việc của cơ quan khi giám đốc đi vắng và uỷ quyền cho.

* Phòng kinh doanh: Tiến hành các nghiệp vụ kinh doanh nh- kí kết các hợp đồng kinh tế, tìm kiếm và phân tích các thông tin về thị tr- ờng, môi tr- ờng kinh doanh, đánh giá tổng hợp và đ- a ra các ph- ơng án kinh doanh hiệu quả, tìm kiếm và đặt mối quan hệ với các nhà cung ứng ổn định, tin t- ởng đồng thời tìm kiếm thị tr- ờng và mở rộng mạng l- ới tiêu thụ hàng hoá cho Công ty. Tr- ởng phòng kinh doanh chịu sự điều hành trực tiếp của ban giám đốc Công ty, các nhân viên trong phòng chịu sự điều hành trực tiếp của tr- ởng phòng.

* Phòng hành chính: Tham m- u và giúp cho giám đốc về công tác quy hoạch

cán bộ , sắp xếp nhân sự đấp ứng nhu cầu kinh doanh với mục đích khuyến khích ng- ời lao động, kiểm tra và xử lý nâng cao chất l- ợng đội ngũ lao động và chăm sóc sức khoẻ ng- ời lao động.

* Phòng kế toán: Theo dõi phản ánh các nghiệp vụ phát sinh, lập dự toán hàng năm, theo dõi phản ánh tình hình tài sản của Công ty, tổng kết và báo cáo tình hình hàng năm thông qua báo caó tài chính, tham m- u cho giám đốc đảm bảo đúng quy chế tài chính của Bộ tài chính.

**2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

**2.1.6.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

**Sơ đồ 2.2**. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán:

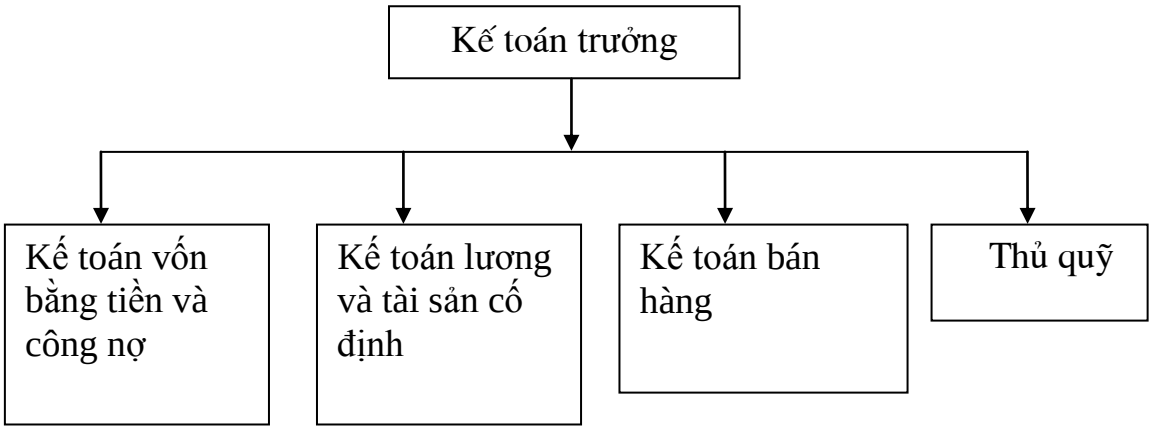


+ Kế toán trưởng: chỉ đạo chung công tác hạch toán kế toán của phòng kế toán. Nghiên cứu chế độ văn bản pháp luật về kế toán và thống kê các chế độ văn bản pháp luật khác có liên quan tới tài chính. Đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc và cơ quan pháp luật về số liệu của nhân viên trong phòng.

+ Kế toán vốn bằng tiền và công nợ cụ thể: kiểm duyệt chứng từ, tài liệu và viết phiếu thu, chi những vụ việc phát sinh thanh toán trong công ty và các đơn vị trực thuộc.

+ Kế toán lương và tài sản cố định: theo dõi và tính lương, tính khấu hao TSCĐ

+ Kế toán bán hàng: theo dõi khâu bán hàng, doanh thu và quyết toán tài chính khối văn phòng,

+ Thủ quỹ: Theo dõi công nợ với ngân hàng, khách hàng, viết phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, uỷ nhiệm chi.

**Sơ đồ 2.3:** Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật khí chung tại Công ty.

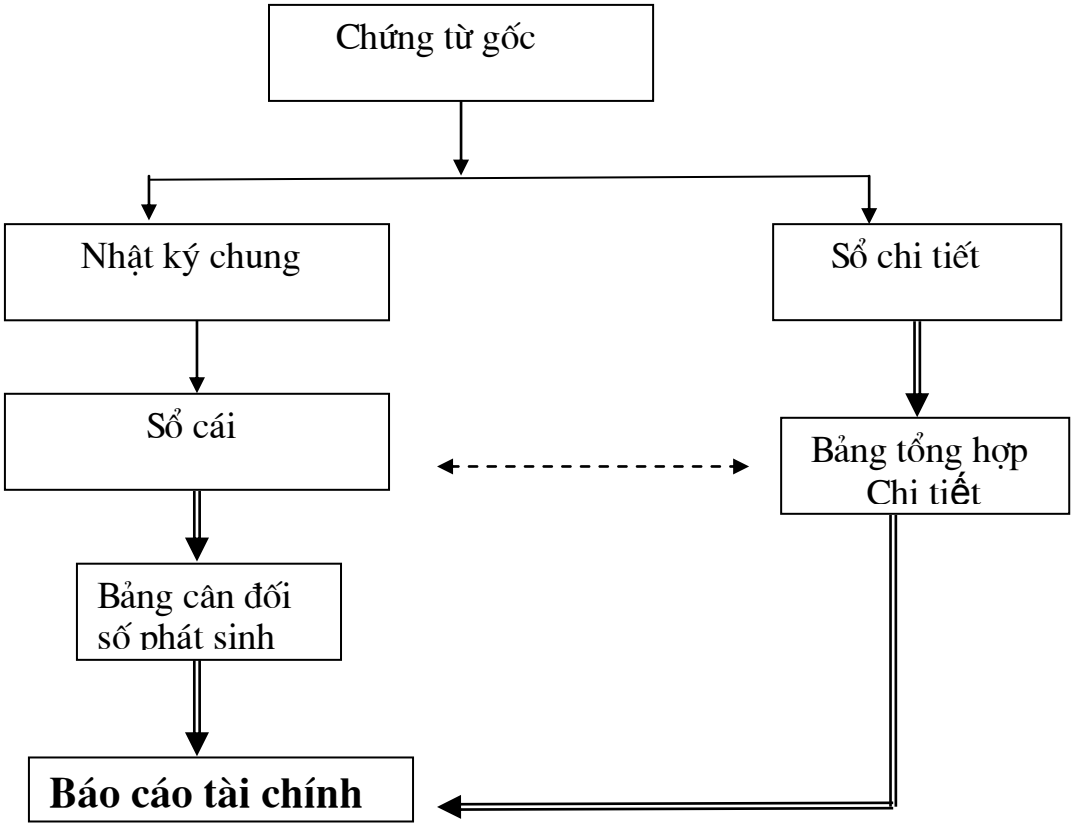

**Sơ đồ 2.4**: Sơ đồ hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2

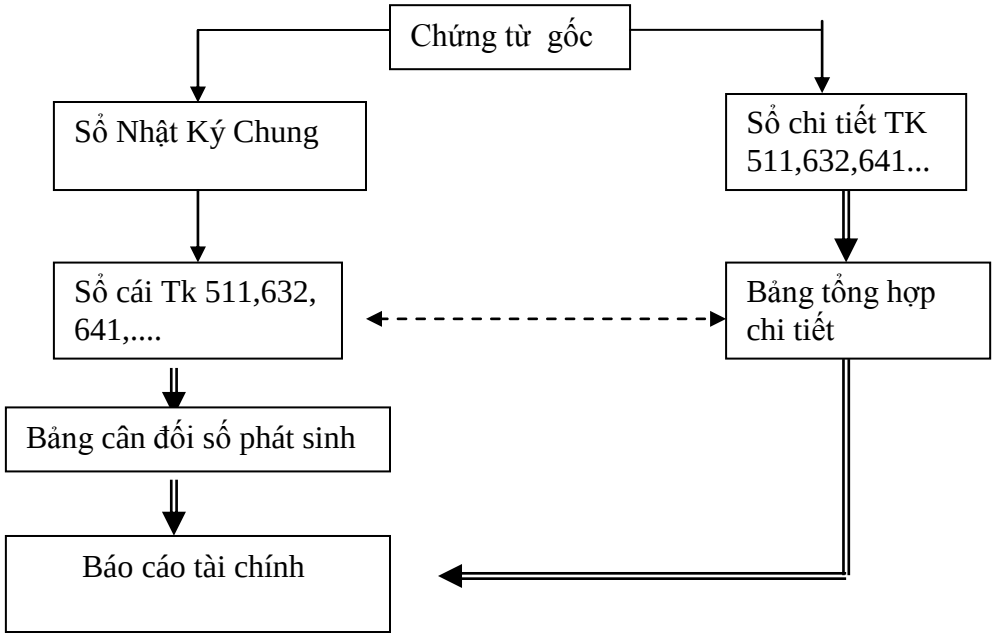


Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Quan hệ đối chiếu

Quy trình sơ đồ luân chuyển chứng từ được diễn ra như sau: Hàng ngày khi phát sinh bất kỳ một nghiệp vụ kinh tế nào thì kế toán chịu trách nhiệm về phần đó, sẽ căn cứ vào chứng từ gốc tổng hợp vào nhật lý chung, từ chứng từ gốc đó tập hợp vào sổ chi tiết. Cuối tháng từ nhật ký chung tập hợp vào sổ cái tài khoản tương ứng, từ sổ chi tiết tổng hợp vào bảng tổng hợp chi tiết. Cuối tháng từ sổ cái bảng tổng hợp sẽ phát sinh bảng tổng hợp chi tiết tổng hợp váo báo cáo tài chính.

**2.1.6.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

Hình thức kế toán áp dụng tại doanh nghiệp là hình thức nhật ký chung, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Niên độ kế toán bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 năm báo cáo.

Đơn vị tiền tệ áp dụng chung là đồng Việt Nam (VNĐ).

Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**2.2.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

**2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

**2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Công ty bán hàng theo phương thức trực tiếp: xuất hàng được tiêu thụ ngay

Ví dụ: Ngày 11/12/2009 Công ty bán tấm chống trượt cho Ngô Văn Doanh Cty TNHH Ống thép 190

**Hoá đơn**

**Giá trị gia tăng**

Liên 1: Lưu

*Ngày 11 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL
**HP/2009T**
**0043451**

Đơn vị bán hàng: Công ty ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2

Địa chỉ: 19 Trần Khánh D- – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: …….. MST: 0200872329

Hình thức thanh toán:

Họ tên người mua hàng: Ngô Văn Doanh

Tên đơn vị: Công ty TNHH Ống thép 109

Địa chỉ: 100 An Dũng - Kiến Thuỵ

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: .. CK….. MST: 0200452699

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số l- ợng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Tấm chống trượt | Kg | 14.449 | 8.476 | 79.428.770 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 79.428.770 |
| Thuế suất GTGT: 5% | | Tiền thuế GTTG: | | | 3.971.439 |
| | | Tổng cộng tiền thanh toán: | | | 83.400.209 |
| Số tiền viết bằng chữ: (Tám mươi ba triệu bốn trăm nghin hai trăm linh chín đồng) | | | | | |

Biểu số 2.2.1.1.1.Hóa đơn GTGT số 0043451

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 42

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển doanh thu bán hàng | 511 | 911 | 21.925.635.469 | | | |
| | …… | …. | ….. | …….. | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 21.925.635.469 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.1.1.2. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0043451. Kế toán vào sổ nhật ký chung **CÔNG TY CP ĐT & PT kim khí HP - CN2**

# SỔ NHẬT KÝ CHUNG

**Năm: 2009**

ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi SC | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| …… | …… | ……. | …… | | | …… | …….. | …….. |
| 11/12/09 | 43451 | 11/12/09 | Bán tấm chống trượt | | | 131 | 83.400.209 | |
| **11/12/09** | **43451** | **11/12/09** | **Bán tấm chống trượt** | | | **511** | | **79.428.770** |
| 11/12/09 | 43451 | 11/12/09 | Bán tấm chống trượt | | | 333 | | 3.971.439 |
| 11/12/09 | PC006 | 11/12/09 | Mua HĐ GTGT | | | 642 | 15.200 | |
| 11/12/09 | PC006 | 11/12/09 | Mua HĐ GTGT | | | 111 | | 15.200 |
| 12/12/09 | NH(C)03 | 12/12/09 | Trả tiền mua hàng | | | 331 | 82.359.585 | |
| 12/12/09 | NH(C)03 | 12/12/09 | Trả tiền mua hàng | | | 112 | | 82.359.585 |
| 12/12/09 | NH(C)04 | 12/12/09 | Phí chuyển tiền | | | 642 | 41.179 | |
| 12/12/09 | NH(C)04 | 12/12/09 | Phí chuyển tiền | | | 133 | 4.118 | |
| 12/12/09 | NH(C)04 | 12/12/09 | Phí chuyển tiền | | | 112 | | 45.297 |
| …….. | …….. | …….. | …….. | | | …….. | ……. | ……. |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày.....tháng.....năm……

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.1.1.3: Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

**Công ty CP ĐT & PT kim khí HP - CN2**

# Sổ cái TK 511

Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng

| Ngày tháng | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | SH | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | | **Tháng 12** | | | |
| | | | …… | | | …… |
| **11/12/2009** | **43451** | **11/12/2009** | **Bán tấm chống trượt Công ty TNHH Ống thép 109** | **131** | | **79.428.770** |
| 12/12/2009 | 43452 | 12/12/2009 | Bán thép góc CTCP Hân Trang | 131 | | 531.275.300 |
| 18/12/2009 | 43453 | 18/12/2009 | Bán thép tấm CTCP Hoàng Long | 131 | | 748.436.709 |
| 18/12/2009 | 43454 | 18/12/2009 | Bán thép tấm CTCP Hà Anh | 131 | | 988.953.413 |
| 20/12/2009 | 43455 | 22/12/2009 | Bán thép tấm CTCP Hùng Phát | 131 | | 474.269.529 |
| 23/09/2009 | 43456 | 23/09/2009 | Bán thép hình các loại Công ty TNHH Hà Mỹ Anh | 131 | | 831.906.223 |
| | | | …… | …….. | …… | …… |
| 31/12/2009 | PKT42 | 31/12/2009 | K/c doanh thu bán hàng | 911 | 21.925.635.469 | |
| | | | ***Cộng số phát sinh cả năm*** | | 95.107.625.633 | 95.107.625.633 |

*Ngày ..... tháng .... năm …….*

| **Người ghi sổ** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.1.1.4: Sổ cái tài khoản 511

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

**2.2.1.2.Kế toán giá vốn hàng bán:**

Giá vốn của hàng bán chính là giá gốc của hàng hoá hoặc nguyên giá của hàng hoá nhập kho.Giá vốn có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Vì vậy phải theo dõi chặt chẽ và xác định đúng giá vốn của hàng bán ra trong kỳ.

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và doanh thu chủ yếu là từ bán buôn và bán lẻ hàng hóa, do vậy phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này giá trị hàng xuất kho được tính theo công thức :

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| ***Giá thực tế*** | | ***Lượng thực tế*** | | ***Giá đơn vị*** |
| ***Hàng z*** | = | ***Hàng z*** | ***x*** | ***bình quân*** |
| ***xuất kho*** | | ***tồn đầu kỳ*** | | ***của hàng z*** |

- Căn cứ vào giá thực tế hàng hoá tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá. Căn cứ vào số lượng hàng hoá, xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá thực tế xuất trong kỳ.

$$\textit{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\textit{Giá thực tế của sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \textit{Giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\textit{S.lượng sản phẩm, hàng hoá tồn đầu kỳ} + \textit{S.lượng sản phẩm, hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

Ví dụ: Ngày 18/12/2009 Công ty bán thép tấm cho Nguyễn Hùng Anh Công ty Cổ phần Hưng Thịnh

**Hoá đơn**

**Giá trị gia tăng**

Liên 3:

*Ngày 18 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL
**HP/2009T**
**0043453**

Đơn vị bán hàng: Công ty ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2
Địa chỉ: 19 Trần Khánh D- – Ngô Quyền – Hải Phòng
Số tài khoản:
Điện thoại: …….. MST: 0200872329
Hình thức thanh toán:

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Hùng Anh

Tên đơn vị: Công ty CP Hưng Thịnh

Địa chỉ: 156 Ngô Gia Tự - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: .. CK….. MST: 0200452699

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số l- ợng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Thép tấm | Kg | 15.377 | 48.674 | 748.436.709 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 748.436.709 |
| Thuế suất GTGT: 5% | | Tiền thuế GTTG: | | | 37.421.835 |
| | | | Tổng cộng tiền thanh toán: | | 785.858.544 |

Số tiền viết bằng chữ: (Bảy trăm tám mươi lăm triệu tám trăm năm mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng)

Biểu số 2.2.1.2.1.Hóa đơn GTGT số 0043453

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

**CTCP ĐT & PT kim khí HP - CN2**

Mẫu số 02-VT
Ban hành theo QĐ số 15/2006 B TC

# Phiếu xuất kho

Số 26/12

Họ tên ngươi giao hàng : Trần Văn Tâm
Địa chỉ bộ phận : Công ty ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2
Lý do xuất : xuất bán cho Công ty CP Hưng Thịnh
Xuất tại kho: kho của công ty

**Nợ 632**

**Có 156**

| STT | Tên | Mã số | Đvt | Số l- ợng | | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| 1 | Thép tấm | BB5 | kg | | 15.377 | 47.836 | 735.569.328 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | 735.569.328 |

Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm hai tám đồng/

Lập ngày 18/12/2009

| Ng- ời nhận | Thủ kho | Kế toán tr- ởng | Giám đốc |
|---|---|---|---|
| *(ký ,họ tên )* | *(ký ,họ tên )* | *(ký ,họ tên)* | *(ký ,đóng dấu ,họ tên)* |

Biểu số 2.2.1.2.. Phiếu xuất kho số 26

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 43

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 911 | 9.501.802.235 | | | |
| | …… | …. | ….. | …….. | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 9.501.802.235 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.1.2.3. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0043453. Lập phiếu xuất kho sau đó kế toán vào sổ nhật ký chung

# SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | NT | | | | | Nợ | Có |
| | | | …….. | | | | | |
| 18/12/2010 | HĐ 43453 | 18/12/2010 | Bán hàng cho CTCP Hưng Thịnh | | | 131 | 785.858.544 | |
| | | | | | | 511 | | 748.436.709 |
| | | | | | | 3331 | | 37.421.835 |
| | **PX 26** | **18/12/2010** | **Xuất kho giá vốn hàng bán** | | | **632** | **735.569.328** | |
| | | | | | | 156 | | 735.569.328 |
| 18/12/2009 | HĐ 43454 | 18/12/2009 | Bán hàng cho CTCP Hà Lân | | | 131 | 1.038.401.084 | |
| | | | | | | 511 | | 988.953.413 |
| | | | | | | 3331 | | 49.447.671 |
| | PX 27 | 18/12/2009 | Xuất kho giá vốn hàng bán | | | 632 | 972.259.782 | |
| | | | | | | 156 | | 972.259.782 |
| ….. | ….. | ….. | ……. | | | …… | …….. | …….. |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày…....tháng….....năm…..…

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký,họ tên)

Giám đốc
(Ký,họ tên)

Biểu số 2.2.1.2.4: Sổ nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 632. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

CTCP ĐT & PT kim khí HP - CN2

# Sổ Cái TK 632

Năm 2009

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| | | | ……. | | | | | |
| 31/12/2009 | PX26 | 31/12/2009 | Giá vốn hàng bán | | | 156 | 735.569.328 | |
| ..... | ..... | ..... | ……. | | | ..... | ..... | ..... |
| 31/12/2008 | PKT 43 | 31/12/2009 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | | | 911 | | 9.501.802.235 |
| ……. | | …….. | …… | | | ….. | …….. | …….. |
| | | | | | | | | |
| | | | ***Cộng phát sinh cả năm*** | | | | ***90.021.626.821*** | ***90.021.626.821*** |

Ngày…..tháng……năm……

**Người ghi sổ** (ký,họ tên)

**Kế toán trưởng** (ký,họ tên)

**Giám đốc** (ký,họ tên)

Biểu số 2.2.1.2.5: Sổ cái tài khoản 632

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

### 2.2.1.3.Kế toán chi phí bán hàng

Đối với những doanh  nghiệp kinh doanh thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là những loại chi phí không thể thiếu được và thường chiếm một tỉ trọng không nhỏ. Vì vậy việc theo dõi và hạch toán các loại chi phí này một cách chính xác rất quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán dùng tài khoản 641 : Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng của công ty bao gồm các loại chi phí :Thưởng, trợ cấp xã hội, chi phí dụng cụ văn phòng, vật liệu phân xưởng, vật liệu in ấn. Lệ phí và thuế khác, chi phí công tác trong nước, chi phí thuê văn phòng, điện, nước, điện thoại, vệ sinh…

Ví dụ : Ngày 20/12/09 mua văn phòng phẩm theo hoá đơn GTGT 0059680

# Hoá đơn

## Giá trị gia tăng

Liên 2

*Ngày 20 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL
**HP/2009T**
**0059680**

Đơn vị bán hàng: Trung tâm thiết bị văn phòng

Địa chỉ: Số 35 Hoàng Văn Thụ – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: …….. MST: 020016983404

Hình thức thanh toán:

Họ tên người mua hàng: Mai Thuỳ Dung

Tên đơn vị: Công ty CP ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2

Địa chỉ: : 56 Nguyễn Trãi - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: .. TM….. MST: 0200872329

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số l- ợng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Giấy copy BB 4 Đ270 | Gram | 25 | 45.000 | 1.125.000 |
| 2 | Giấy than | Hộp | 2 | 45.000 | 90.000 |
| 3 | Cặp còng A4( 2) | Cái | 3 | 110.000 | 330.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.545.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTTG: | | | 154.500 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 1.699.500 |

Số tiền viết bằng chữ: (Một triệu sáu trăm chín m- ơi chín nghìn năm trăm đồng chẵn)

Biểu số 2.2.1.3.1.Hóa đơn GTGT số 0059680

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0059680. Lập phiếu chi số 42

Công ty CP ĐT & PT kim khí HP – CN2

Mẫu số 02 – TT
(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Quyển số:
Số: 42/12
Nợ 641: 1.699.500
Có 111: 1.699.500

Họ tên người nhận tiền: Mai Thuỳ Dung
Địa chỉ:
Lý do chi: T.toán mua văn phòng phẩm
Số tiền: 1.699.500đ (viết bằng chữ): Một triệu sáu trăm chín m- ơi chín nghìn năm trăm đồng chẵn/.
Kèm theo:.....chừng từ gốc.

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập phiếu | Người nhận tiền |
|---|---|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền( viết bằng chữ):.....
+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng,bạc, đá quý):.....
+ Số tiền quy đổi:.....
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.3.2: Phiếu chi số 42/12

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

**Biểu số 2.2.4.1**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 44

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | K/c chi phí bán hàng | 641 | 911 | 256.348.202 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 256.348.202 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.1.3.3. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Từ phiếu chi số 42 kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung

Công ty CP ĐT & PT kim khí HP – CN2

# NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | NT | | | | | Nợ | Có |
| | | | …….. | | | | | |
| **20/12/2009** | **HĐ59680** | **20/12/2009** | **Mua văn phòng phẩm** | | | **641** | **1.699.500** | |
| | | | | | | **111** | | 1.699.500 |
| 21/12/2009 | BC | 21/12/2009 | Nộp tiền vào TKNH | | | 112 | 500.000.000 | |
| | | | | | | 111 | | 500.000.000 |
| 21/12/2009 | NH(C)18 | 21/12/2009 | Trả tiền mua hàng | | | 331 | 216.645.040 | |
| | | | | | | 112 | | 216.645.040 |
| ….. | ….. | ….. | ……. | | | …. | …….. | …… |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày……tháng……năm…….

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.1.3.4: Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 641. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

Công ty CP ĐT & PT kim khí HP – CN2

# Sổ Cái TK 641

Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| | | | ..... | | | ..... | ..... | ..... |
| 15/12/09 | PC 32 | 15/12/09 | Chi phí nước | | | 111 | 260.000 | |
| **20/12/09** | **PC 42** | **20/12/09** | **Mua văn phòng phẩm** | | | **111** | **1.699.500** | |
| 22/12/09 | PC 54 | 22/12/09 | Chi phí công tác trong nước | | | 111 | 12.100.000 | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... | ..... |
| 31/12/09 | PKT 44 | 31/12/09 | K/c chi phí bán hàng | | | 911 | | 256.348.202 |
| | | | ***Cộng phát sinh cả năm*** | | | | ***2.428.178.424*** | ***2.428.178.424*** |

Ngày.....tháng.....năm……

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.1.3.5: Sổ cái TK 641

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

### 2.2.1.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác....

+ Bên nợ : Tập hợp toàn bộ chi phí QLDN thực tế phát sinh trong kỳ

+ Bên có : Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Ví dụ : Ngày 19/12/09 thanh toán tiền mua máy in cho Nguyễn Thị Hợp với số tiền 1.896.190 đ

**Hoá đơn**

**Giá trị gia tăng**

Liên 2

*Ngày 19 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL
**HP/2009T**
**0036250**

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần Minh Hương

Địa chỉ: 36 Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: …….. MST: 0200561258

Hình thức thanh toán:

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hợp

Tên đơn vị: Công ty CP ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2

Địa chỉ: : 56 Nguyễn Trãi - Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: .. TM….. MST: 0200872329

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số l- ợng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Máy in | cái | 01 | 1.723.809 | 1.723.809 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 1.723.809 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTTG: | | | 172.381 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 1.896.190 |

Số tiền viết bằng chữ: (Một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng)

Biểu số 2.2.1.4.1.Hóa đơn GTGT số 0036250

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0036250 lập phiếu chi

Công ty CP ĐT & PT kim khí HP – CN2 Mẫu số 02 – TT

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI Quyển số:

Ngày 19 tháng 12 năm 2009 Số: 40/12

Nợ 642: 1.896.190

Có 111: 1.896.190

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hợp

Địa chỉ:

Lý do chi: Mua may in

Số tiền: 1.896.190 đ (viết bằng chữ): Một triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi đồng/

Kèm theo:.....01.....chừng từ gốc.

Ngày 19 tháng 12 năm 2009

| Giám đốc | Kế toán trưởng | Người nộp tiền | Người lập phiếu | Người nhận tiền |
|---|---|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Đã nhận đủ số tiền( viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ(vàng,bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 2.2.1.4.2: Phiếu chi số 40/12

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 45

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | K/c chi phí QLDN | 642 | 911 | 122.411.293 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 122.411.293 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.1.4.3. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Từ phiếu chi số 40 kế toán vào sổ nhật ký chung

# NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | NT | | | | | Nợ | Có |
| | | | …….. | | | | | |
| **19/12/2009** | **PC40** | **19/12/2009** | **Mua máy in** | | | **642** | **1.896.190** | |
| | | | | | | 111 | | 1.896.190 |
| 20/12/2009 | HĐ59680 | 20/12/2009 | Mua văn phòng phẩm | | | 641 | 1.699.500 | |
| | | | | | | 111 | | 1.699.500 |
| 21/12/2009 | PC025 | 21/12/2009 | Nộp tiền vào TKNH | | | 112 | 500.000.000 | |
| | | | | | | 111 | | 500.000.000 |
| 21/12/2009 | NH(C)25 | 21/12/2009 | Trả tiền mua hàng | | | 331 | 216.645.040 | |
| | | | | | | 112 | | 216.645.040 |
| ….. | ….. | ….. | ……. | | | …. | ……. | …… |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày.....tháng.....năm.....

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) |

Biểu số 2.2.1.4.4: Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

Công ty CP ĐT & PT kim khí HP - CN2

# Sổ Cái TK 642

Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| | | | …….. | | | …… | …….. | |
| **19/12/2009** | **PC40** | **19/12/2009** | **Mua máy in** | | | **111** | **1.896.190** | |
| 20/12/2009 | NH(C)04 | 20/12/2009 | Phí chuyển tiền | | | 112 | 91.179 | |
| 20/12/2009 | NH(C)05 | 20/12/2009 | Phí quản lý TK | | | 112 | 59.000 | |
| 23/12/2009 | NH(C)07 | 23/12/2009 | Phí chuyển tiền | | | 112 | 154.000 | |
| 26/12/2009 | NH(C)09 | 26/12/2009 | Phí chuyển tiền | | | 112 | 110.000 | |
| …… | ……. | ……. | ……. | | | ……. | …… | |
| 31/12/2009 | PKT 45 | 31/12/2009 | K/c chi phí QLDN | | | 911 | | 122.411.293 |
| | | | ***Cộng phát sinh cả năm*** | | | | ***1.408.935.518*** | ***1.408.935.518*** |

Ngày.....tháng.....năm……

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.1.4.5: Sổ cái TK 642

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

**2.2.2.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng–Chi nhánh số 2**

Thu nhập hoạt động tài chính chủ yếu của chi nhánh là lãi tiền gửi ngân hàng

- *Tài khoản sử dụng*:

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

- *Chứng từ sử dụng :*

+ Giấy báo có

+ Giấy báo lãi

+ Bản sao kê của ngân hàng

Ví dụ : Ngày 31/12/09 Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh 2 nhận được lãi từ tiền gửi ngân hàng T12/09 của Ngân hàng Công thương Việt Nam với số tiền 676.548đ

NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNGVIỆT NAM Theo công văn số 21208/CT/AC

VIETCOMBANK HAI PHONG **VIETCOMBANK** Cục thuế Hải Phòng

MST: 0100230800-04

# PHIẾU BÁO CÓ

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kính gửi: CTCP ĐT & PT KIM KHI HP – CN2 Số tài khoản: 189.24197249.02.6

Địa chỉ: 56 NGUYÊN TRAI,Q.NGO QUYEN,HP Loại tiền: VND

Mã số thuế: 0200872329 Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Số ID khách hàng: 24197249 Số bút hạch toán: FT0832660039\HPG

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

| Nội dung | Số tiền |
|---|---|
| Lãi tiền gửi | 676.548 |
| **Tổng số tiền** | **676.548** |

Số tiền bằng chữ: **Sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bốn mươi tám VND chẵn.**

Trích yếu :

Lập phiếu Kiểm soát Kế toán trưởng

VIETCOMBANK
CHI NHÁNH HAI PHÒNG

Biểu số 2.2.2.1: Phiếu Báo có

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 46

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | K/c doanh thu hoạt động tài chính | 515 | 911 | 8.389.398 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 8.389.398 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.2.2. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Từ bản Giấy báo có của ngân hàng kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung

# NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | NT | | | | | Nợ | Có |
| | | | …….. | | | | | |
| 30/12/2009 | PT39 | 30/12/2009 | Rút TG nhập quỹ | | | 111 | 300.000.000 | |
| | | | | | | 112 | | 300.000.000 |
| **31/12/2009** | **BC** | **31/12/2009** | **Lãi tiền gửi** | | | **112** | **676.548** | |
| | | | | | | 515 | | 676.548 |
| 31/12/2009 | NH(C)52 | 31/12/2009 | Phí quản lý TK | | | 642 | 11.000 | |
| | | | | | | 112 | | 11.000 |
| ….. | ….. | ….. | ……. | | | …. | ……. | …… |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày……tháng……năm…….

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.2.3: Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 515. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

# Sổ Cái TK 515

Năm 2009

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| | | | ……..... | | | | | |
| 31/12/09 | BC | 31/12/09 | Lãi từ tiền gửi ngân hàng T12/09 | | | 112 | | 676.548 |
| …… | …… | …….. | ……. | | | ..... | ..... | ..... |
| 31/12/09 | PKT 46 | 31/12/09 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | | | 911 | 8.389.398 | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | ***Cộng phát sinh cả năm*** | | | | 88.672.781 | 88.672.781 |

Ngày.....tháng.....năm……..

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.2.4: Sổ cái TK 515

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

### 2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

Kế toán sử dụng TK 711 để ghi nhận thu nhập khác & TK 811 để ghi nhận chi phí khác

*Thu nhập khác của chi nhánh bao gồm*:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
+ Thu tiền đượcc phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
+ Thu nhập khác

VD sau: Ngày 26/12/2009 Công ty tiến hành thanh lý 1 số TSCĐ không còn phù hợp với Công ty hiện nay, có biên bản thanh lý TSCĐ như sau:

**CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN**
**KIM KHÍ HP – CHI NHÁNH SỐ 2**

*Ban hành theo Quyết định*
*1864/1998/QĐ/BTC*
*ngày 16/12/1998*
*của Bộ Tài chính*

# BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

***Ngày 26 tháng 12 năm 2009***

Căn cứ quyết định số 875/CT - QLTB - VT ngày 26 tháng 12 năm 2009 của giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 về việc thanh lý thiết bị.

## I. BAN THANH LÝ TÀI SẢN GỒM:

| | | |
|---|---|---|
| Ông Nguyễn Công Minh | T.P kinh doanh | Trưởng ban |
| Bà Đỗ Thị Đông | T.P tài chính kế toán | Uỷ viên |

## II. TIẾN HÀNH THANH LÝ

| Tên mã, ký hiệu, quy cách | Năm sử dụng | Nguyên giá | Hao mòn luỹ kế | Giá trị còn lại |
|---|---|---|---|---|
| Máy vi tính Dell | 03/2002 | 10.600.000 | 10.600.000 | 0 |
| **Tổng cộng** | | 10.600.000 | 10.600.000 | 0 |

## III. KẾT LUẬN CỦA BAN THANH LÝ

Các thiết bị trên hiện nay đã cũ, không phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay.

Biên bản này gồm 06 bản, một bản giao cho phòng kế toán để theo dõi trên sổ sách, các biên bản còn lại giao cho bộ phận sử dụng và quản lý TSCĐ để lưu giữ.

## IV KẾT QUẢ THANH LÝ

- Chi phí thanh lý: 0 đồng
- Giá trị thu hồi: 2.365.000đ (Hai triệu ba trăm sáu mươi lăn nghìn đồng).
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 26/12/2009

Ngày 26 tháng 12 năm 2009

**Thủ trưởng đơn vị**
**Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

Biểu số 2.2.3.1.Biên bản thanh lý TSCĐ

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

# Hoá đơn

## Giá trị gia tăng

Liên 1: Lưu

*Ngày 26 tháng 12 năm 2009*

Mẫu số 01 GTKT-3LL
**HP/2009T**
**0043461**

Đơn vị bán hàng: Công ty ĐT & PT kim khí HP - Chi nhánh số 2

Địa chỉ: 19 Trần Khánh D- – Ngô Quyền – Hải Phòng

Số tài khoản:

Điện thoại: …….. MST: 0200872329

Hình thức thanh toán: TM

Họ tên người mua hàng: Bùi Việt Phương

Tên đơn vị:

Địa chỉ: Hồng Bàng - Hải Phòng

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán: .. TM….. MST:

| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số l- ợng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Máy vi tính Dell | cái | 01 | 2.150.000 | 2.150.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng: | | | | | 2.150.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | | | | Tiền thuế GTTG: 215.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán: | | | | | 2.365.000 |

Số tiền viết bằng chữ: (Hai triệu ba trăm sáu mươi lăn nghìn đồng)

Biểu số 2.2.3.2.Hóa đơn GTGT số 0043461

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Đvị : CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2
Địa chỉ : 56 Nguyễn Trãi - HP

Mẫu số 01-TT
QĐ số : 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006
Của Bộ tr- ởng Bộ tài chính

**PHIẾU THU**

**Số**: 31/12

*Ngày 26 tháng 12 năm 2009*

TK nợ 111
TK có 711

Tên ng- ời nộp tiền : Bùi Việt Phương
Tên đơn vị :
Địa chỉ : Hồng Bàng - Hải Phòng
Nội dung : Mua máy vi tính Dell
Số tiền : 2.365.000đ
Bằng chữ : Hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn/
Chứng từ gốc kèm theo : 1 chứng từ gốc .

*Nhận ngày 26 tháng 12 năm 2009*

| Giám đốc | Kế toán tr- ởng | Ng- ời lập biểu | Thủ quỹ | Ng- ời nộp tiền |
|---|---|---|---|---|
| (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) | (ký, họ tên) |

Biểu số 2.2.3.3.Phiếu thu
*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 47

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | 911 | 17.802.811 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 17.802.811 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.3.4. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0043461. Lập phiếu thu sau đó kế toán vào sổ nhật ký chung

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

# NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| NT ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | NT | | | | | Nợ | Có |
| | | | …….. | | | | | |
| **26/12/2009** | **PT31** | **26/12/2009** | **Thanh lý máy vi tính Dell** | | | **111** | **2.365.000** | |
| | | | | | | 211 | | 2.365.000 |
| 27/12/2009 | NH(T)24 | 27/12/2009 | Thu tiền hàng | | | 112 | 20.000.000 | |
| | | | | | | 131 | | 20.000.000 |
| 27/12/2009 | NH(T)25 | 27/12/2009 | Thu tiền hàng | | | 112 | 300.000.000 | |
| | | | | | | 131 | | 300.000.000 |
| ….. | ….. | ….. | ……. | | | …. | ……. | …… |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày……tháng……năm…….

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.3.5. Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 711. Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911 để xác định kết kinh doanh

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

# Sổ Cái TK 711

Năm 2009

Tên tài khoản: Thu nhập khác

ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| | | | …… | | | | | |
| 26/12/2009 | PT31 | 26/12/2009 | Thanh lý máy vi tính Dell | | | 111 | | 2.365.000 |
| …… | …… | …….. | ……. | | | ..... | ..... | ..... |
| 31/12/2009 | PKT 47 | 31/12/2009 | Kết chuyển thu nhập khác | | | 911 | 17.802.811 | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | ***Cộng phát sinh cả năm*** | | | | 249.633.731 | 249.633.731 |

Ngày.....tháng.....năm……..

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.3.6. Sổ cái TK 711

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

### 2.2.4. Tổng hợp thu, chi và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 năm 2009

- **Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng….Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Kế toán sử dụng TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

+ Bên nợ: chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến hàng tiêu thụ (Giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác kết chuyển lợi nhuận của hoạt động kinh doanh.

+ Bên có: Tổng số doanh thu thuần về tiêu thụ trong kỳ, doanh thu khác, kết chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh

Ví dụ: Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán váo sổ nhật ký chung và sổ cái TK 911, TK 421

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 48

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành | 821 | 911 | 26.441.775 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 26.441.775 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.4.1. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Số: 49

| STT | Nội dụng | TK nợ | TK có | Số tiền | Chi tiết TK | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển lãi | 421 | 911 | 65.421.703 | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | **Cộng** | | | 65.421.703 | | | |

Ngày….tháng….năm…….

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu số 2.2.4.2. Phiếu kế toán

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng Từ | | Diễn giải | Tài Khoản Đối ứng | | Số tiền phát sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | |
| | | | …… | | | | |
| 31/12/09 | PKT 42 | 31/12/09 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | | 21.925.635.469 | |
| | | | | | 911 | | 21.925.635.469 |
| 31/12/09 | PKT 43 | 31/12/09 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | | 9.501.802.235 | |
| | | | | | 632 | | 9.501.802.235 |
| 31/12/09 | PKT 44 | 31/12/09 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | | 256.348.202 | |
| | | | | | 641 | | 256.348.202 |
| 31/12/09 | PKT 45 | 31/12/09 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | 911 | | 122.411.293 | |
| | | | | | 642 | | 122.411.293 |
| 31/12/09 | PKT 46 | 31/12/09 | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính | 515 | | 8.389.398 | |
| | | | | | 911 | | 8.389.398 |
| 31/12/09 | PKT 47 | 31/12/09 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | | 17.802.811 | |
| | | | | | 911 | | 17.802.811 |
| 31/12/09 | PKT 48 | 31/12/09 | Kết chuyển cphí thuế TNDN hiện hành | 911 | | 26.441.775 | |
| | | | | | 821 | | 26.441.775 |
| 31/12/09 | PKT 49 | 31/12/09 | Kết chuyển lãi | 911 | | 65.421.703 | |
| | | | | | 421 | | 65.421.703 |
| ……. | …… | …….. | ..... | | | ..... | ..... |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | | 548.172.248.286 | 548.172.248.286 |

Ngày.....tháng.....năm……..

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (ký,họ tên) | (ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.4.3: Sổ nhật ký chung

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Sau khi vào sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 911.
CTCP ĐT & PT kim khí HP – CN2

## Sổ Cái TK 911

Năm 2009

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh ĐVT: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Nhật ký chung | | Số hiệu TK đối ứng | Số tiền | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | Trang | Dòng | | Nợ | Có |
| | | | Tháng 12 | | | | | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | | | ..... | ..... | ..... |
| 31/12/09 | PKT 42 | 31/12/09 | Kết chuyển doanh thu thuần | | | 511 | | 21.925.635.469 |
| 31/12/09 | PKT 43 | 31/12/09 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | | | 632 | 9.501.802.235 | |
| 31/12/09 | PKT 44 | 31/12/09 | Kết chuyển chi phí bán hàng | | | 641 | 256.348.202 | |
| 31/12/09 | PKT 45 | 31/12/09 | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp | | | 642 | 122.411.293 | |
| 31/12/09 | PKT 46 | 31/12/09 | Kết chuyển doanh thu HĐTC | | | 515 | | 8.389.398 |
| 31/12/09 | PKT 47 | 31/12/09 | Kết chuyển thu nhập khác | | | 711 | | 17.802.811 |
| 31/12/09 | PKT 48 | 31/12/09 | Kết chuyển cphí thuế TNDN hiện hành | | | 821 | 26.441.775 | |
| 31/12/09 | PKT 49 | 31/12/09 | Kết chuyển lãi | | | 421 | 65.421.703 | |
| ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... | ..... |
| | | | ***Cộng phát sinh cuối năm*** | | | | ***97.894.752.543*** | ***97.894.752.543*** |

Ngày.....tháng.....năm……

| Người ghi sổ | Kế toán trưởng | Giám đốc |
|---|---|---|
| (ký,họ tên) | (Ký,họ tên) | (Ký,họ tên) |

Biểu số 2.2.4.4: Sổ cái TK 911

*Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán*

Mâu số: B-01/DN
(Ban hành theo Quyêt đinh số 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chinh)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Năm 2009

Người nộp thuế: Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khi HP – CN2
Mã số thuê: 0200872329
Đia chỉ trụ sở: 56 Nguyễn Trãi
Quận Huyện: Ngô Quyên Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng
Điện thoại: Fax: Email:

Đơn vi tiên: Đồng Việt Nam

| stt | Chỉ tiêu | Mã | Thuyêt minh | Số năm nay | Số năm tr- ớc |
|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** |
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dich vụ | 01 | VI.25 | 95.107.625.633 | 79.019.394.671 |
| **2** | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | | |
| **3** | **Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)** | **10** | | **95.107.625.633** | **79.019.394.671** |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.27 | 90.021.626.821 | 72.856.702.641 |
| **5** | **Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)** | **20** | | **5.085.998.812** | **6.162.692.030** |
| 6 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.26 | 88.672.781 | 8.087.719 |
| 7 | 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.28 | 496.829.652 | 795.672.623 |
| | - *Trong đó:* Chi phí lãi vay | 23 | | | |
| 8 | 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 2.428.178.424 | 2.883.054.126 |
| **9** | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 1.408.935.518 | 1.480.199.989 |
| **10** | **10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}** | **30** | | **840.727.999** | **1.011.853.011** |
| 11 | 11. Thu nhập khác | 31 | | 249.633.731 | 45.857.186 |
| 12 | 12. Chi phí khác | 32 | | | 96.629.154 |
| **13** | **13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)** | **40** | | **249.633.731** | **(50.771.968)** |
| **14** | **14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)** | **50** | | **1.090.361.730** | **961.081.043** |
| 15 | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.30 | 305.301.300 | 269.102.700 |
| 16 | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.30 | | |
| **17** | **17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)** | **60** | | **785.060.430** | **691.987.343** |
| 18 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | |

*<u>Nguồn dữ liệu</u>: Trích số liệu từ phòng kế toán*

# CHƯƠNG 3

# MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T- VÀ PHÁT TRIỂN KIM KHÍ HẢI PHÒNG – CHI NHÁNH SỐ 2

## 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

### 3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2. Nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng...Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn, kịp thời về chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm.

**Về tổ chức bộ máy kế toán:** Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng.

**Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước

**Về tổ chức bộ sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán " Nhật ký chung" và các chứng từ gốc và các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yên cầu quản lý của công ty.

**Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu:** Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

**Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh:** Việc hạch toán doanh thu đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp binh quân gia quyền cả kỳ. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nàh nước.

### 3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

**Về việc luân chuyển chứng từ:** Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng vế một lúc.

**Về phương thức hạch toán kế toán:** Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh...Hơn nữa

nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán...cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi cón có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

**Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm:** Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá..

**Về trích lập các khoản dự phòng:** Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho. Như vậy chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán, điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh.

## 3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết

công ty đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chính hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu ra chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

### 3.3. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những yêu cầu sau:

✓ Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.

Mỗi quốc gia cần phải có một cơ chế tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

✓ Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.

### 3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng –Chi nhánh số 2

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn

thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

*3.4.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ*

Quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty chậm trễ gây rất nhiều khó khăn làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời

Ngoài việc vào sổ nhật ký chung, kế toán cần vào sổ chi tiết để quản lý doanh thu, chi phí một cách hiệu quả. Thuận tiện trong việc theo dõi lượng hàng mua vào, bán ra trong kỳ hoặc kiểm tra vào một thời điểm.

*3.4.2. Kiến nghị 2: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán*

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khối công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiên thực tế tại công ty. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiểu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Áp dụng phần mềm tin học vào tổ chức kế toán của công ty giúp giảm sức lao động và khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí, góp phần hiện đại hoá bộ máy kế toán của công ty và giúp công tác quản lý được dễ dàng. Hệ thống sổ sách sẽ được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác hơn

*3.4.3. Kiến nghị 3: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi*

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 139 – "dự phòng phải thu khó đòi" là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ quá hạn 2 năm kể từ ngày đến hạn.

Doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng không đòi được.

Quán triệt nguyên tắc thận trọng, đòi hỏi doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành..

*3.4.4. Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm*

Như đã trình bày rõ tác dụng của chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá thành phẩm. Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

**3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2**

**3.5.1. Về phía nhà nước**:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2 là một doanh nghiệp kinh tế chuyên sản xuất và kinh doanh các mặt hàng về kim khí. Công ty mới chuyển sang hình thức cổ phần hoá vì vậy nhà nước cần có chính sách ưu đãi hỗ trợ công ty như sau:

+ Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng. Ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

+ Có chính sách hỗ trợ trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy

móc để khuyến khích công ty.

+ Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với công ty khi mới chuyển sang hình thức cổ phần hoá như chính sách về thuế thu nhập, hỗ trợ công ty trong quá trình huy động vốn.

**3.5.2. Về phía công ty:**

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, có biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng để ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Phấn đấu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô kinh doanh. Để tận dụng được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm khách hàng.

+ Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng: Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển. Đây cũng là yếu tố quyết định sự bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp, để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi với khách hàng.

+ Cần tổ chức sắp xếp lại bộ máy kế toán doanh nghiệp theo hướng kết hợp bộ phận kế toán tài chính và bộ phận kế toán quản trị cùng một bộ máy kế toán. Trên cơ sở đó bộ phận kế toán quản trị sử dụng các nguồn thông tin đầu vào chủ yếu từ kế toán tài chính để thu nhập, xử lý và lượng hoá thông tin theo chức năng riêng của mình.

# KẾT LUẬN

Hoà cùng bước tiến của đất nước, mỗi doanh nghiệp đang từng ngày nỗ lực hết mình để vươn lên trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn và tạo lập giá trị doanh nghiệp bền vững. Trong cơ chế thị trường hiện nay, khi tính chất cạnh tranh ngày càng gay gắt thì việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện hơn.

Khoá luận: **"Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2"** của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

*Về lý luận*: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

*Về thực tiễn*: Khoá luận đã phản ánh một cách đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2009 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

*Về kiến nghị*: Em đã đối chiếu phần lý luận với thực tế đã nghiên cứu, từ đó đề xuất và nêu ra một số ý kiến còn mang tính lý thuyết nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Trong thời gian thực tập và quá trình học hỏi, nghiên cứu để hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp, em đã nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo của các cán bộ nhân viên Phòng kế toán và Ban lãnh đạo Công ty, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của ***Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên***. Do thời gian còn hạn chế và bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm nên khoá luận này chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung, nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 18 tháng 06 năm 2010

Sinh viên

***Nguyễn Lệ Quyên***

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU ..... 1
1- Tính cấp thiết của đề tài: ..... 1
2- Mục đích nghiên cứu của đề tài: ..... 2
3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài: ..... 2
4- Phương pháp nghiên cứu: ..... 2
5- Kết cấu của khoá luận: ..... 3
**CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP** ..... 4
1.1- Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh nghiệp, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. ..... 4
1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu. ..... 5
1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu. ..... 6
1.4- Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ..... 7
1.5- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng ..... 7
1.5.1- Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. ..... 7
1.5.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu. ..... 12
1.5.2.1- Chiết khấu thương mại. ..... 12
1.5.2.2- Hàng bán bị trả lại. ..... 12
1.5.2.3 - Giảm giá hàng bán. ..... 13
1.5.2.4- Phương pháp hạch toán. ..... 14
1.5.2.5- Các khoản thuế làm giảm doanh thu. ..... 14
1.5.3- Kế toán giá vốn hàng bán. ..... 15
1.5.3.1- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho. ..... 15
1.5.3.2- Chứng từ và tài khoản sử dụng. ..... 16
1.5.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ..... 20
1.5.4.1- Kế toán chi phí bán hàng (CPBH). ..... 20
1.5.4.2- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN). ..... 20
1.5.4.3- Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN. ..... 21
1.5.5- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. ..... 23

1.5.6- Kế toán kết quả hoạt động bán hàng. ..... 25
1.6- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính. ..... 26
1.6.1- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính. ..... 26
1.6.2- Kế toán chi phí hoạt động tài chính. ..... 27
1.6.3- Phương pháp hạch toán ..... 28
1.7- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác ..... 28
1.7.1- Kế toán thu nhập khác. ..... 28
1.7.2- Kế toán chi phí khác. ..... 29
1.7.3- Phương pháp hạch toán ..... 30
1.8- Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn Doanh nghiệp ..... 31
1.9- Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán. ..... 31
1.9.1- Hình thức Nhật ký - sổ cái. ..... 32
1.9.2- Hình thức Nhật ký chung. ..... 32
1.9.3- Hình thức Nhật ký chứng từ. ..... 33
1.9.4- Hình thức Chứng từ ghi sổ ..... 34
1.9.5- Hình thức kế toán trên máy vi tính ..... 35
**CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T- VÀ PHÁT TRIỂN KIM KHÍ HẢI PHÒNG - CHI NHÁNH SỐ 2** ..... 36
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 36
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng ..... 36
2.1.2. Đặc điểm sản phẩm, tổ chức kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 38
2.1.3. Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần

đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhá nh số 2 ..... 39
2.1.4. Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2..... 39
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 39
2.1.6. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2..... 41
2.1.6.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 41
2.1.6.2. Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2..... 44
2.2.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 44
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu t- và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 44
2.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 44
2.2.1.2.Kế toán giá vốn hàng bán:..... 49
2.2.2.Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng–Chi nhánh số 2..... 67
2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động khác tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 72
2.2.4. Tổng hợp thu, chi và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 năm 2009..... 78
**CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T- VÀ PHÁT TRIỂN KIM KHÍ HẢI PHÒNG – CHI NHÁNH SỐ 2** ..... 83
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi

phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 83
3.1.1. Ưu điểm: ..... 83
3.1.2. Hạn chế: ..... 84
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – chi nhánh số 2 ..... 85
3.3. Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 86
3.4. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng –Chi nhánh số 2 ..... 86
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần đầu tư và phát triển kim khí Hải Phòng – Chi nhánh số 2 ..... 88
3.5.1. Về phía nhà nước: ..... 88
3.5.2. Về phía công ty: ..... 89
**KẾT LUẬN** ..... 90